

Kinh Kim Cang Bát Nhã

luận giải toát yếu

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh

Cuốn 33, số 1701 (of No 235)

Đời Đường Sa môn Tông Mật thuật Chùa Đại Hưng Phước. Đời
Tống sa môn Tử Tuyền giám định

Lời Tựa

Guơng lòng vốn tịnh, hình sắc vốn không, mộng thức không đầu, mãi thành có cảnh vật do đó nghiệp phiền não nhiễm báo ứng xoay vần. Trái vô số kiếp dào dạt sóng cồn, cho nên bậc tỉnh giác hiện thân trong cõi người trước nói nguyên nhân sanh diệt để cho ngộ pháp khổ, tập, diệt, đạo. Trừ dứt chấp ngã, chưa đạt pháp không, muốn dứt hết căn bệnh phải luận đàm Bát Nhã. Tâm cảnh đều dứt hết tức thành chân tâm. Dơ sạch đều quên thấy thành thanh tịnh. Ba ngàn kệ báu trong mười sáu hội, chỗ lưu truyền vẫn ngày nay là hội thứ chín. Câu kinh lời kệ giản lược mà ý thú sâu xa; tuệ thông ba pháp KHÔNG, đàn bao hàm muôn hạnh, nơi 18 trụ xứ, mật bày thứ lớp sai biệt; dứt 27 nghi mà ngâm thông huyết mạch. Không phải trước sai khiến điều khiển sao chẳng hợp NHƯ NHƯ. Nên tuy sách tấn tu tập trước sau vô tướng mà do giáo lý này ẩn mật nên hạnh quả đều huyền ảo. Chỉ như khiến miệng tụng lông trâu, tâm thông sừng lân, hoặc hợp nơi danh tướng, chấp sự trái tông, hoặc cho rằng chỉ có nhất chân hướng cội theo dòng nên ký ức không đủ luận bàn. Vô số trân báu ở ba thời dù cho đem thân mạng thí dụ cũng không hết há chẳng nhọc công sao! Vả, hai ngài Thế Thân, Vô Trước là bậc bổ xứ đáng tôn, kẻ hậu học nghi gì lại thêm hay bớt. Nên nay chỉ thuật

*không dám tin càng, chú giải là luận bàn văn nghĩa
sửa chẳng phải trong nội dung, toát yếu là lấy ý theo
đề mục của kinh. Sau đây là phân giải thích không giản
dị như lời này.*

*Kính lễ đáng đại giác Thế Tôn
Mở pháp Bát Nhã KHÔNG môn
Phát khởi lưu thông giới thượng sĩ
Nhờ nương chỗ thuật hợp quần môn.*

Sắp giải kinh này trước hết chưa đi vào ngay văn, mà giải thích lời tựa, lược có 4 điểm:

- 1) Bàn nhân duyên phát khởi
- 2) Nêu rõ tông thể của kinh
- 3) Phân biệt nơi chốn, hội
- 4) Giải thích ý nghĩa chung .

A. Nhân duyên phát khởi còn phân làm 2:

a) Bàn tổng quát lời dạy, có nghĩa là giải đáp nhân trả lời làm rõ chỗ độ sanh. Nếu y cứ bốn ý Phật chỉ do một đại sự nhân duyên nên xuất hiện nơi đời, là Phật muốn làm cho chúng sanh khai tri kiến Phật.

b) Sau chỉ riêng Kinh này có 3 phần:

1. Để đối trị với hai chấp ngã, pháp; do hai chấp này nên khởi chương phiền não và sở tri là hai chương. Do phiền não chương che tâm nên tâm không giải thoát, tạo nghiệp thọ báo luân chuyển trong 5 đường. Do sở tri chương che mờ huệ nên huệ không giải thoát, không hiểu được tự tâm; không thông tánh tướng các pháp khắp trong ba cõi cũng làm trở ngại Nhị thừa, không thể thành Phật nên gọi chương. Nếu trừ dứt được hai chấp này thì 2 chương cũng đoạn lìa; vì trừ 2 chấp nên thuyết Kinh này.

2. Vì chận dứt hạt giống nên khởi hai mối nghi: ngăn chương chưa khởi, nghi của chủng tử; đoạn dứt hiện khởi, nghi của hiện hành, nên Kinh trả lời hai nghi vấn này, bèn theo đuổi từng chi tiết việc đoạn nghi, cho đến hết Kinh là 27 đoạn.

3. Vì muốn trừ dứt 2 nghiệp trọng khinh, như chuyển nghiệp nặng thành thọ nhẹ; biến nghiệp nhẹ làm cho hết nghiệp, để diễn bày hai nhân phước và huệ. Khi Phật thành đạo trước chưa nói về Bát Nhã, vì chúng sanh không có diệu huệ, thí v.v..., chấp tướng đều thành phiền não hay trở ngại nhị thừa. Do đó Phật thuyết Bát Nhã hiển bày diệu huệ là nhân của pháp thân, năm độ còn lại là nhân của hóa thân (ứng thân). Nếu không trí huệ thì bổ thí, trì giới v.v... 5 độ chẳng phải là ba la mật (rốt ráo hoàn toàn). Khi chưa nghe Bát Nhã chỉ nghĩ sắc tướng là Phật, đâu biết rằng ứng hóa chỉ là bóng dáng của chân mà không thấy rõ chân thân ứng thân. Cho nên đây nêu rõ hai quả để biết rằng do 2 nhân trước mà chứng đắc.

B. Nêu rõ tông thể của Kinh: có 2 phần:

1. Tông: luận chung các yếu tố Phật dạy là Tông; riêng Kinh này thời thật tướng Bát Nhã hay Quán chiếu Bát Nhã chẳng một chẳng hai, và lấy đó làm tông, tức là dùng trí của lý quán chiếu các tướng. Như kim cương có khả năng chặt đứt tất cả, tức lý của trí là thật tướng. Như kim cương rắn chắc khó phá vỡ, trong vạn hạnh mỗi mỗi không làm lu mờ được nó. Vì thế hiệp chung lại làm tông của Kinh.

2. Thể: văn tự Bát Nhã là thể Kinh. Văn tự gồm có danh tự, câu, văn mạch. Văn tự tánh vốn không tức là Bát Nhã mà không có thể của văn tự riêng biệt, đều bao hàm lý KHÔNG chẳng hết, thống nhất là giáo thể.

C. Phân biệt nơi chốn, hội: có 2 điểm: Trước hết nêu chung Phật thuyết bộ đại Bát Nhã gồm có 600 quyển tại bốn nơi, chia thành 16 hội như sau:

1. Tại thành Vương Xá nơi núi Linh Thứu 7 hội: trong động đá 4 hội và trên đỉnh núi 3 hội.
2. Nơi vườn của trưởng giả Cấp Cô Độc 7 hội.
3. Ở Bảo điện Ma Ni tại cung trời Tha Hóa 1 hội
4. Tại thành Vương Xá nơi tịnh xá Trúc Lâm bên hồ Bạch Lộ 1 hội

Kinh này Phật thuyết tại địa điểm thứ 2 hội thứ 9, quyển 577 về sau được truyền dịch riêng biệt. Đây là Kinh chủ yếu nên trước sau có 6 nhà phiên dịch như:

- 1) Ngài La Thập đời Hậu Tần
- 2) Ngài Bồ Đề Lưu Chi đời Hậu Ngụy
- 3) Ngài Chân Đế đời Trần
- 4) Ngài Cấp Đa đời Tùy
- 5) Ngài Huyền Trang đời Đường
- 6) Ngài Nghĩa Tịnh đời Chu.

Sáu vị trên đều là bậc tam tạng ⁽¹⁾ thông bác Kinh, Luật, Luận. Kinh lưu truyền hiện nay do ngài La Thập dịch vào đời Hoằng Thi năm thứ 4 ở chùa Thảo Đường tại Trường An. Tương truyền, Bồ Tát Vô Trước người Ấn Độ nhập định Nhứt Quang lên cung trời Đâu Suất gặp Phật Di Lặc học thuộc được 80 dòng kệ; rồi Ngài lại đem những Kệ này chuyển giao cho ngài Thế Thân. Ngài Thế Thân ⁽²⁾ làm ra văn xuôi và ⁽³⁾ giải thích gồm 3 quyển luận dựa dứn trừ nghi để giải thích. Ngài Vô Trước còn tạo 2 quyển luận khác phỏng theo phẩm để giải thích. Nay Kinh này phân tiết mục

chỉ dựa theo Ngài Thế Thân để giải thích, tức cũng kiêm cả bản Ngài Vô Trước, cũng như phỏng theo các luận khác, góp nhặt nhiều bản chú giải nên gọi là toát yếu đều có đủ trong Kinh này.

D. Giải thích ý nghĩa chung:

Trước hết giải đề mục: Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật. Kinh: tiếng Phạn là Tu Đa La, dịch là Khế Kinh. Khế: biểu hiện đầy đủ nghĩa lý ứng hợp nhân tâm là Khế lý và Khế cơ ⁽⁴⁾. Kinh theo như Phật Địa dẫn rằng, hay xâu kết hay bao hàm gọi là Kinh. Dem những Thánh giáo Phật dạy kết xâu ý nghĩa đã thuyết, duy trì để giáo hóa chúng sanh. Về sau việc giải Kinh văn thường dựa theo 3 phần: phần tựa, phần chánh và phần lưu thông.

Kim Cang: Tiếng Phạn là Bạt Chiết la, là cây gậy báu của lực sĩ cầm nơi tay. Trong vàng là chất rất cứng chắc nên gọi là Kim Cương mà trời Đế Thích có nên người phước mỏng khó thấy được. Rất cứng, rất sắc bén dụ cho Bát Nhã; không vật gì có thể phá hoại được, nhưng nó có thể phá được mọi thứ. Kinh Niết Bàn ghi rằng, như Kim Cương không thể phá hoại, nhưng nó có thể phá tan được tất cả mọi thứ, Ngài Vô Trước nói: Kim Cương khó hoại; và cũng nói: Kim Cương năng đoạn (có khả năng chặt đứt) hay nói: Kim Cương chắc nhuyễn. Nhuyễn là nhân của trí, cứng chắc không thể hoại nên dùng cứng chắc dụ cho thể Bát Nhã; sắc bén dụ cho Dụng của Bát Nhã. Ngoài ra, Ngài Chân Đế ghi nhận nêu lên 6 màu Kim Cương như:

1. Màu Xanh hay đứt tai ách, dụ Bát Nhã hay trừ nghiệp chướng
2. Màu Vàng tùy người cần dùng, dụ cho công đức vô lậu ⁽⁵⁾
3. Màu Đỏ đối ánh mặt trời phát hỏa, tuệ đối bản giác phát vô sanh trí
4. Màu Trắng có thể làm trong nước đục, Bát Nhã có thể làm sạch nghi vấn
5. Màu hư không khiến có người đi đứng giữa hư không, tuệ phá pháp chấp như đứng giữa không trung
6. Màu Biếc (Bích Ngọc) hay trừ các chất độc, tuệ trừ 3 độc ⁽⁶⁾ sát cạnh gần nhau; không phải dụ bản chất của rắn sắc.

Bát Nhã dịch nghĩa chính là tuệ, là chiếu soi 5 uẩn không, tương ứng với tuệ của bốn giác. Nếu phỏng theo kiến thức từ cạn đến sâu để nói thì bao hàm Văn-Tư-Tu ba huệ, nói chung là Bát Nhã.

Ngài Vô Trước nói: “năng đoạn”, tức nơi Bát Nhã ba la mật Văn Tư Tu là sở đoạn, như Kim Cương chặt đứt những gì có thể chặt được. Lại nói: nhuyển là nhân của trí mà trí nhân tức là huệ vậy. Theo Trí Độ luận: nhân gọi là Bát Nhã; quả gọi là trí, thì văn-tư-tu đều gọi là tế (nhuyển). Huệ của vi diệu là nhân Phật trí. Bát Nhã hay cắt đứt nên ở trong nhân; Phật quả không đoạn mà chuyển thành trí. Nếu dựa Đại Phẩm Kinh như hai từ trí tuệ có 2 nghĩa, nên trí và tuệ có chút ít sai biệt, nhưng thể tánh không khác.

Ba La Mật: Trung Hoa dịch là bờ kia đến, phải gọi là đến bờ kia, có nghĩa là nên lia bờ sanh tử bên này, qua dòng phiền não, đến bờ Niết Bàn bên kia. Niết Bàn Trung Hoa dịch là viên tịch hay cũng gọi là diệt độ ⁽⁷⁾. Hết thấy chúng sanh tướng vắng lặng, nhưng lại không diệt, chỉ do mê, điên đảo, vọng thấy sanh tử nên nói ở bờ bên này. Như ngộ sanh tử là không, bản chất viên minh là đến bờ kia nên phải nói là tuệ đạt đến bờ kia.

I. Thứ nhất: Phần tựa

Kinh phần tựa có phân thành hai: tựa chứng tín và tựa phát khởi.

Đây nói về tựa chứng tín:

“Ta nghe như vậy, một thời Phật tại nước Xá Vệ ở vườn Kỳ Thọ của Cấp Cô Độc, cùng chúng đại Tỳ Kheo ⁽⁸⁾ là 1,250 vị dự hội.”

Đoạn này có 3 ý:

1) Trước hết nêu rõ nhân kiến lập thời Phật lúc sắp nhập Niết Bàn, Ngài A Nan thưa hỏi 4 việc. Đức Phật theo mỗi việc mà trả lời, như sau khi Phật diệt độ lấy pháp gì nương tựa, ai làm Thầy?

- Nương pháp Bốn Niệm Xứ ⁽⁹⁾ an trụ
- Lấy giới luật làm Thầy, và phải làm sao với những Tỳ Kheo phạm giới? Nơi đâu các Kinh đề gì?
- Phải tản xuất (mời ra) các ác Tỳ Kheo

- Nơi đầu các Kinh đều đề câu “Ta nghe như vậy, một thời Phật tại (nơi nào) cùng với số chúng (bao nhiêu người) như thế v.v...

2) Nêu rõ việc kiến lập. Có 3 ý:

a) Dứt trừ nghi, khi kết tập Kinh điển Ngài A Nan thăng lên tòa ngồi muốn tuyên dương Phật pháp chiêu cảm được thân tướng tốt như Phật, chúng hội có 3 điểm nghi:

- Nghi Phật sống lại thuyết pháp
- Nghi Đức Phật cõi khác tới
- Nghi A Nan thành Phật

nên phải nói để chấm dứt 3 điểm nghi này.

b) Chấm dứt tranh luận: nếu không phải nghe từ Phật, bảo tự tạo ra thời có tranh luận.

c) Khác với tà: không như các Kinh ngoại đạo nơi đầu quyển đề A, ưu v.v. ...

3) Giải thích văn Kinh. Có 6 pháp thành tựu như: tín thành tựu, thời thành tựu, xứ (nơi chốn) thành tựu, văn thành tựu (pháp), chúng thành tựu (chúng hội), chủ thành tựu. Không đủ 6 pháp chứng tín pháp giáo hóa không thành, ắt phải cho đầy đủ cả 6 mới thành tựu được.

1. Tín thành tựu nếu kiêm luôn “tôi nghe” nhập chung giải thích là từ đề chỉ pháp, Pháp như vậy tôi nghe từ Phật. Giải riêng Như Thị: như Trí Độ luận nói rằng là tín thành tựu. Phật pháp mênh mông như đại hải, tin mới có thể vào, hiểu mới có thể độ. Người tin nói là việc như thế; người không tin cho rằng việc không phải như vậy. Lại nữa, Thánh nhân thuyết pháp chỉ hiển bày NHƯ, chỉ NHƯ là thể

nên xưng NHƯ THỊ. Lại Hữu – Vô bất nhị (không hai) là NHƯ NHƯ, không Hữu – Vô là THỊ.

2. Thời thành tựu: Tư cách vị thầy nói thích hợp, nghe rọt ráo nên nói nhứt thời. Thời giờ ở mỗi nơi không giống nhau nên chỉ nói một thuở. Lại lúc thuyết và lãnh hội pháp, tâm cảnh thuận lý, dung hợp trí, phạm thánh hiệp nhau, cả hai gặp nhau trong một thời.

3. Xứ thành tựu: Xá Vệ, Trung Hoa dịch là Văn Vật, có nghĩa là có đủ báu vật, nhân tài mà các nước khác ở xa đều nghe danh. Ngại Nghĩa Tịnh dịch là Đại Thành. Kỳ Thọ tức là vườn của thái tử Kỳ Đà cúng dường; trưởng giả Cấp Cô Độc mua khu vườn của thái tử. Kỳ Đà Trung Hoa dịch là Chiến Thắng, là thái tử con vua Ba Tư Nặc. Khi sanh thái tử nhà vua chiến thắng được giặc ngoại xâm, nhân đó đặt tên con như thế. Tiếng Phạn là Tu Đạt Trung Hoa gọi là Thiện Thí, Cấp Cô Độc tức là Thiện Thí vậy. Ngoài ra, ông cũng thường làm việc bố thí nên gọi như thế. Ấn Độ gọi chùa là Tăng Già Lam, Trung Hoa gọi là chúng viên, nơi tăng chúng ở tu học.

4. Văn thành tựu: “Tôi” tức là A Nan mượn 5 uẩn xưng. Văn có nghĩa nhĩ căn phát ra cái biết, bỏ riêng theo chung nên nói “tôi nghe”. A Nan không nghe Kinh Phật thuyết trước đó 20 năm, nên cầu Phật nói lại, khi nghe liền nhập sâu trong tam muội thu nhận hết. Nếu suy gốc mà nói thì A Nan là quyền đại Bồ Tát, pháp gì chẳng thông hiểu.

5. Chúng thành tựu: chúng hội nghe pháp gồm có nhiều vị cao đức gọi là đại. Tỳ Kheo là tiếng Phạn, Trung Hoa hàm có 3 nghĩa nên để nguyên không dịch: a) Bố ma, b) Khất sĩ, c) Tịnh giới. Chúng gồm có lý hòa và sự hòa; 1,250 người trong số lúc Phật mới thành đạo độ cho 5 anh

em ông Kiều Trần Như, tiếp theo Phật độ cho 3 anh em Ngài Ca Diếp gồm cả thầy trò là 1,000 người. Sau Phật độ ngài Xá Lợi Phất và ngài Mục Kiền Liên mỗi vị có 100 đồ đệ. Kế Phật độ cha con ông trưởng giả Da Xá gồm 50 người. Kinh nêu số nhiều nên bỏ mất 5 người. Đây là số chẵn thường theo Phật được nêu lên chứ không phải ngoài ra không còn nữa .

6. Chủ Thành Tựu: nói đủ là Phật Đà, Trung Hoa dịch là giác giả (bậc giác ngộ). Luận Khởi Tín ghi rằng, nói giác nghĩa là tâm lià niệm, tướng lià niệm ấy sánh như hư không, tức là pháp thân Như Lai bình đẳng, thời lấy vô niệm gọi đó là Phật. Song giác có 3 nghĩa:

a) Tự giác: biết tâm vốn không sanh biệt

b) Giác tha: biết hết thấy mọi pháp không KHÔNG là NHƯ.

c) Giác hạnh viên mãn: hai phần trên lý viên dung nên gọi viên mãn.

Cho nên Hữu niệm thì không gọi là giác được. Luận Khởi Tín ghi rằng, không gọi tất cả chúng sanh là giác được, vì từ vô thi trở lại niệm niệm tiếp nối nhau chưa hề lià niệm. Lại cũng nói rằng, nếu có chúng sanh hay quán vô niệm là nhắm hướng Phật trí vậy.

- Tựa phát khởi: như oai nghi của việc khát thực xa hỷ tà mạng ⁽¹⁰⁾ đó là giữ giới. Giới hay sanh định, định hay phát huệ. Nên lấy giới, định phát trí tuệ là phần chánh, trong đó có 2: giới và định. Trước hết nói về giới “Lúc bấy giờ tới giờ ăn Đức Thế Tôn đắp y, mang bát vào đại thành Xá Vệ khát thực. Trong thành Phật đi khát thực theo thứ tự ⁽¹¹⁾,

khất thực xong về lại chỗ cũ”. Đoạn này chia thành 7 tiết đề giải thích như sau:

1) Hóa chủ – chỉ Đức Phật: Thành Thật luận rằng, có đủ 9 danh hiệu trên được người vật nể kính nên gọi Thế Tôn, tức là Phật được cả chư Thiên và nhân gian cùng tôn kính.

2) Hóa thời – thời điểm du hóa: Buổi sáng là lúc đi khất thực thuận tiện nhất, vì là phần đầu ngày đi xin dễ hơn, không phiền cho mình và người khác. Khất thực xong trở về tịnh xá là đúng ngọ theo phép thọ trai hằng ngày.

3) Hóa nghi: Phật đắp y Tăng già lê ⁽¹²⁾ và mang bình bát của Tứ Thiên vương hiến cúng (nghi cách hay dung nghi).

4) Hóa xứ: vườn Cấp Cô Độc ở hướng Đông Nam của thành Xá Vệ nên vào trong thành, cách thành 56 dặm (khoảng cách từ tịnh xá tới thành Xá Vệ): từ trong đi ra ngoài là vào; nơi chốn rộng, người đông gọi là đại.

5) Hóa sự: Phật vì muốn chỉ bày công đức hạnh đầu đà ⁽¹³⁾ làm cho những kẻ sống buông lung hổ trên. Vì đồng sự nhiếp hóa nên Phật tự đi khất thực.

Kinh Anh Lạc Nữ ghi: hóa Phật thân như toàn bằng kim cương, vô sanh thuần thực nhị tạng, nay Phật hiện thân khất thực là muốn lợi lạc hữu tình. Kinh Tịnh Danh ghi: vì không ăn nên phải thọ thức ăn.

6) Hóa đẳng (bình đẳng):

i) do trong chứng lý bình đẳng, ngoài không thấy tướng nghèo giàu

- ii) Tâm lìa tham, mạn do lòng từ không lợi riêng tư
- iii) Bày tỏ oai đức: không sợ voi dữ, tửu quán, dâm phòng v.v...
- iv) Muốn dứt tâm ganh tỵ của phàm phu
- v) Phá chấp phân biệt của nhị thừa

7) Hóa chung: song tự nghĩa thuộc câu văn dưới liên quan tới câu trên. Nghĩa chữ ăn cơm thuộc câu văn trên mà văn mạch có liên hệ câu dưới. Như văn giải rộng phải là trong câu cho hoàn bị, nên nói rằng, theo thứ lớp khát thực xong về lại chỗ cũ dùng cơm. Dùng xong dọn dẹp y bát. Nếu Phật không ăn phước người khác không hoàn mãn. Kinh Bảo Vân ghi rằng, theo chỗ xin được phân ra thành 4 phần:

- i) chia cho người đồng tu
- ii) đem cho người nghèo kẻ bệnh
- iii) cho loài chim cá ăn
- iv) tự dùng.

Kinh 12 hạnh đầu đà chỉ nêu 3 phần không có người đồng tu. Thiên định: “Thọ trai xong thu dọn y bát, rửa chân rồi Phật trải tọa cụ ngồi Thiên”. Đoạn này chia thành 3 phần:

1) Duyên phát khởi: sắp muốn nhập định phải dứt các duyên. Phải dọn dẹp y bát cho tâm khỏi bận lo nghĩ, cho nên Phật thể hiện làm sau qui tắc (dùng hay thọ trai), cất y Tăng già lê (đại y) mặc y thường (y 7 điều)

2) Thân thanh tịnh: Kinh A Hàm ghi rằng, Phật đi cách đất 4 lóng tay, chân b ước trên hoa sen. Nay biểu hiện rửa chân, thuận theo thường tục là khuôn phép.

3) Nhập thiền định: trải tọa cụ ngồi thiền, do thân ngay thẳng nên tâm không dao động.

Bản dịch đời Ngụy gọi rằng, như thường trải tọa cụ ngồi Kiết già, ngồi ngay ngắn trụ chánh niệm không dao động.

Bản đời Đường ghi rằng, thân ngay nguyện chánh an trụ đối diện niệm. Ngài Vô Trước nói: hiển bày chỉ sự an tịnh, nơi đó hay giác hay thuyết. Song bậc đại giác lưu dấu hẳn có sự biểu tỏ, biểu hiện Phật bản giác đều ở nơi thân 5 uẩn. Biết quân ma vốn không tức là chiến thắng; soi tâm biết có đầy đủ đức là cấp dưỡng kẻ thế cô; cầu pháp nuôi thân vì chúng khát thực. Biết tâm đã phát thà bỏ cảnh trần, sắp muốn Tướng quán bèn nhập tâm tạng thức, tâm duyên pháp đếm hơi thở, tuần tự suy tư dứt vọng còn chơn đều được pháp lạc. Pháp an lạc vô không tướng dung hợp tánh giác, nghĩ tới giả duyên hẳn quên duyên hợp theo chân tánh. Quán xét soi tỏ là chứng tỏ quét sạch dấu vết phản bôn hoàn nguyên (quay về lại nguồn cội).

Quay về lại nguồn cội là pháp KHÔNG tâm lắng; tâm lắng tức là bát nhã sáng lâu. Muốn luận Bát Nhã nên chánh tâm như thế biểu lộ phát khởi.

Sách Tư Thánh ghi, luận về thân có 2 phần: a) Giả b) Chân.

a) Năm uẩn ⁽¹⁴⁾ không thật thân giả: áo quần, ăn uống để nuôi sống. Pháp thân vô t ướng do trí tuệ chiếu soi. Chúng

sinh bảo thủ không thật cho là chân; chư Phật dưỡng chân
bỏ ngụy.

b) Chúng sanh vì mê chân nên chấp giả. Như Lai bèn mượn
giả mà dẫn tới chân, cho nên mượn duyên khát thực để bày
Pháp thí giáo hóa.

Kinh Niết Bàn ghi: Tỳ Kheo các con, tuy đi khát thực
nhưng trước chưa từng xin pháp thực Đại Thừa.

II. Phân chánh tông

Phần này phân thành 2:

a) Dựa theo ngài Vô Trước nêu 7 loại nghĩa câu để
phê phán và

b) Dựa theo ngài Thế Thân hỏi đáp dứt nghi, chọn đề
mục giải thích.

A. Bảy loại nghĩa câu ấy là:

1) Chủng tánh không mất như hộ niệm phó chúc

2) Phát khởi hành tướng: do tỉnh mà được hứa khả
tán thán

3) Trú xứ để tu tập: 18 trú xứ. Từ Phật thuyết... thẳng
tới chỗ chấm dứt Kinh là trú xứ vô tướng để tu tập

4) Đối trị: nơi mỗi xứ đều có đủ tà hạnh, cũng như
chánh hạnh là hai loại cần phải đối trị

5) Chẳng mất: vì đối trị nên tránh được hai bên tăng
hay giảm nên không mất trung đạo

6) Phẩm vị: do không mất trung đạo đạt được vị thánh hiền như Tín hành địa, Tịnh Tâm địa, Như Lai địa

7) Thành lập danh: do 6 trí tuệ trước sắc bén phước địa rộng hẹp khác nhau, nên gọi là Kim Cương.

Bốn câu sau chỉ dựa theo câu 3 về 18 trụ xứ để nói mà không có Kinh riêng khác. Mười tám trụ xứ đó là:

1. Phát tâm trụ

Dẫn Kinh: nên hàng phục tâm như thế, như có hết thầy...

2. Trụ hạnh Ba la mật tương ưng: như không trụ sắc, thanh bố thí

3. Muốn đạt sắc thân trụ

4. Muốn đạt pháp thân trụ: pháp thân có hai:

a) pháp thân qua ngôn thuyết: vả có chúng sanh...nhân lời nói mà rõ lý

b) chúng đặc pháp thân, trong đây lại phân thành 2:

- trí tướng: Phật đặc vô thượng Bồ Đề, và

- phước tướng: nếu có người đem bảy báu đầy cõi ba ngàn,v.v...

5. Tu tập đạt đạo thắng vô mạn trụ: quả tu Đà Hoàn vv... từ đây tới trụ xứ 16, theo như thứ tự đối trị 12 loại chướng ngại. Ý nói rõ muốn cầu sắc thân, pháp thân, phải lia những món chướng này. Chướng trừ dứt mới vào địa thứ 17: chúng đạo trụ. Nay đang đối trị mạn chướng thứ nhất.

6. Không lìa thời Phật trụ thế: Ngày trước chỗ Phật Nhiên Đăng: lìa chương thứ 2: ít nghe. Không xa rời khi Phật ở đời thì được nghe nhiều.

7. Mong tịnh Phật quốc độ trụ: Bồ Tát có trang nghiêm Phật độ không? Lìa dứt phan duyên ít lại nghĩ chương việc tu tập. Duyên có hình tướng thì nhỏ, vô duyên thì lớn, hợp cõi pháp giới.

8) Thành thực chúng sanh trụ: thân người to lớn như núi Tu Di... Lìa bỏ chúng sanh chương. Nếu thấy có lớn nhỏ là không thể cứu tế mọi loài được.

9) Xa hẳn tin theo ngoại luận tán loạn trụ: như trong sông Hằng có nhiều cát. Xa lìa ưa theo ngoại luận là ngăn chương tán loạn. Bồ thí của báu như cát sông Hằng cũng không bằng thọ trì Kinh. Làm thế nào ngoại đạo có thể tu chánh pháp.

10. Sắc và thân chúng sanh nắm lấy được Trung Quán phá tương ưng hành trụ: ba ngàn thế giới có những vi trần, v.v... lìa phá ảnh hình tướng trạng không khéo liền ngăn chương; đã lìa tán loạn tương ứng định. Vì vi tế không nghĩ tới hai loại phương tiện, phá từ thô tới tế, đưa từ tế tới không thì trừ dứt được tướng tướng của ảnh tượng.

11. Cúng dường hầu hạ Như Lai trụ: có thể dùng 32 tướng thấy Như Lai không? Đây là xa lìa phước đức tư lương chương không đầy đủ; không thể lấy tướng thấy luôn thấy pháp thân chính là cung cấp hầu hạ được phước vô biên.

12. Xa hẳn lợi dưỡng và khổ não chán lười, nên không phát tinh tấn và thoái thất trụ: đem thân mạng như cát sông Hằng bồ thí, xa lìa vị ham đắm và chương lợi

đương ⁽¹⁵⁾. Dem thân mạng như cát sông Hằng bỏ thí vẫn còn kém hơn việc thọ trì Kinh. Há vì một thân này mà đắm trước lợi dưỡng; thân bị tâm chướng mà biếng trễ sao?

13. Trụ trong nhẫn khổ: nhẫn ba la mật, dứt tiết thân, lìa chướng không khả năng nhẫn khổ. Tướng vô ngã, vv... chông chất khổ vẫn hay nhẫn.

14. Xa lìa tịch tịnh vị trụ: nếu có người đối với Kinh này ở đời sau mà thọ trì, đọc tụng, vv... lìa trí tư lương chướng không đầy đủ. Một ngày ba thời xả thân trải qua vô số kiếp cũng không bằng tin Kinh. Làm sao chỉ chuyên thiền định đắm vị vắng lặng, thiếu trí tuệ mà không thọ trì thuyết Kinh?

15. Lúc chứng đạo xa lìa hỷ động trụ: làm thế nào an trụ hàng phục tâm? Xa lìa ngăn chướng thứ 11, không tự nhiếp phục. Ta hay trụ tâm, hàng phục tâm bèn sanh vui rộn, rộn thời không thể tự nhiếp phục.

16. Cầu Phật giáo thọ trụ: ở chỗ Phật Nhiên Đăng có Pháp gì đạt Bồ Đề không? Xa lìa ngăn chướng thứ 12 không thầy dạy. Muốn vào sơ địa cần Phật dạy dỗ nương theo gặp Phật đạt vô sở đắc mà chứng đạo.

17. Chứng đạo trụ: thân người to lớn bao hàm chủng tánh trí chứng chân như biến hành đạt đến hai thân: pháp-báo, nên là to lớn.

18. Trên cầu Phật địa trụ: trong đó lại có 6 thứ cụ túc như:

1. Quốc độ tịnh cụ túc: Ta đương trang nghiêm cõi Phật. Đây dạy hàng nhị địa trở lên chư đại Bồ Tát

2. Tri kiến thấy vô thượng thanh tịnh cụ túc: Như Lai có nhục nhãn không? Phần sau đây duy chỉ Phật quả nên nói vô thượng. Nói vô thượng quán thông 4 phần ở dưới

3. Phước đầy đủ tự tại: như có người đem thất bảo bố thí đầy cõi 3 ngàn thế giới

4. Thân cụ túc: Phật có thể dùng sắc thân cụ túc thấy chãng?

5. Lời nói cụ túc: Người (Thầy) đừng nên cho rằng Như Lai nói pháp

6) Tâm cụ túc: Phật đạt vô thượng Bồ Đề là vô sở đắc chãng... cho đến: nên quán sát như thế. Ngoài ra 18 trụ lược còn lại 8 loại cũng đầy đủ như:

a) Nhiếp trụ xứ

b) Ba La mật định trụ, gồm 1 & 2

c) Dục trụ xứ, bao hàm 3 & 4

d) Lìa chương ngại trụ xứ, tức là 12 chương nói trên, từ 5 đến 16

e) Tịnh tâm trụ xứ

f) Cứu cánh (rốt ráo) trụ xứ. Số 5 & 6 trên hợp với 17 & 18

g) Quảng đại trụ xứ

h) Thâm thâm trụ xứ. Số 7 & 8 bao hàm trụ xứ 18. Mỗi một trụ xứ đều sâu và rộng. 18 trụ xứ phối hợp các địa: trụ thứ nhất, thứ 10, hạnh thứ 20 nơi địa tiền số 6, hạnh thứ 7 địa thứ 4 sau 3 hạnh. Từ hạnh 5 đến 14 như thứ

tự hợp với 10 hồi hương, 15 là noãn đánh, 16 là nhãn, thê
đê nhứt, 17 sơ địa, 18 từ nhị địa đến Phật địa.

B. Dựa theo ngài Thê Thân hỏi đáp dứt nghi chọn đề mục
giải thích: Tổng quát chia ra 4 đoạn:

1) Ngài Thiện Hiện thưa thỉnh

2) Tề chỉnh tán dương đức Phật

“Lúc đó trưởng lão Tu Bồ Đề ở giữa đại chúng liền từ chỗ
ngồi đứng dậy để áo hở vai bên mặt, quì gối sát đất chấp
tay cung kính bạch Phật rằng, hy hữu (hiếm hoi) thay Đức
Thế Tôn, Như Lai khéo hộ niệm chư Bồ Tát, khéo phó
chúc chư Bồ Tát”

Trưởng lão là người trọng đức, tuổi cao. Bản dịch đời
Đường gọi là cụ thọ, thọ tức là mạng, thọ mạng dài lâu.

Đời Ngụy dịch là huệ mạng, lấy huệ làm mạng. Tu Bồ Đề
có 3 nghĩa: Thiện Kiết, Thiện Hiện, Không Sanh. Lúc
sinh căn nhà trống không, hiện điềm lành của giải không.
Tướng sư đoán rằng chỉ lành chỉ tốt, nên đặt tên như thế.

Từ chỗ ngồi đứng dậy...oai nghi chỉnh tề hiện tướng cung
kính.

Hy hữu có nghĩa trong đời hiếm có.

Như Lai có nghĩa từ Như mà lại. Như lai ấy không từ đâu
đến (vô sở tùng lai), cũng không đi đâu (diệc vô sở khứ)
nên gọi là Như Lai.

Luận rằng: khéo hộ niệm, dựa theo Bồ Tát căn thuần thực
mà nói, như cùng trí huệ lực làm cho thành tựu Phật pháp,
cùng giáo hóa lực khiến nhiếp thọ chúng sanh. Khéo phó
chúc, dựa theo Bồ Tát căn chưa thuần thực nói, sợ họ thoái

tâm, giao phó cho người trí. Phó có nghĩa là giao nhỏ cho lớn; chúc tức là dặn bảo, lớn hóa nhỏ. Bồ Đề tát đỏa, Trung Hoa dịch là giác hữu tình, có 3 nghĩa:

- 1) Phóng theo cảnh mong cầu mong độ
- 2) Dựa tâm có trí giác ngộ, biết suy tư những tình cảm
- 3) Dựa theo năng sở, năng cầu, sở cầu cả 3 đều NHƯ, kế hợp với giác và hữu tình, tức là Bồ Tát.

Nêu nghi vấn: làm thế nào trụ tâm ?

“Bạch Đức Thế Tôn, người thiện nam, tín nữ phát tâm vô thượng Bồ Đề, nên trụ tâm như thế nào?” và hàng phục tâm như thế nào?

Vấn đề có 2:

a) Giải thích đang cơ, Kinh Hoa Nghiêm ghi, bỏ mất Bồ Đề tâm tu các thiện nghiệp, bị ma nắm giữ. A nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề, Trung Hoa dịch là vô Thượng Chánh biến tri giác, có nghĩa chánh trí biết khắp hiểu hết; chân tục không thiên, không tà.

b) Hỏi đúng. Bản dịch đời Ngụy rằng, phải nên trụ tâm thế nào? Phải hàng phục tâm ra sao? Ý nói rằng người đã phát tâm Bồ Đề trụ cảnh giới nào? Tu hạnh nghiệp gì? Nếu vọng tâm khởi làm sao hàng phục? Phật dạy nên an trụ 4 tâm, tu hạnh sáu độ, trong đó hàng phục tâm không chấp tướng. Bản dịch đời Tần giản lược ý tu hành như: trụ đạo tu hành tức là hàng phục tâm. Bốn tâm, sáu độ đều gọi là an trụ, tu hành, hàng phục. Ngài Vô Trước nói rằng, trụ có nghĩa muốn mong, tu hành tương ứng với thọ trì (đăng trì), hàng phục có nghĩa nếu tâm tán loạn chế hạn làm cho dừng lại. Ngoài ra trong 18 trụ xứ, mỗi trụ xứ đều lấy an trụ, tu

hành, hàng phục giải thích, nên biết nghĩa tuy có 3 nhưng hạnh là 102 nên Phật tán thán.

“Phật dạy: Lành thay! Lành thay! Nay tu Bồ Đề, như Thầy nói, là Như Lai khéo hộ niệm chư Bồ Tát, khéo phó chúc chư Bồ Tát. Nay thầy nên lắng nghe Như Lai vì Thầy mà thuyết. Nay các thiện nam, tín nữ, phát tâm vô thượng Bồ Đề nên trụ tâm như vậy, nên hàng phục tâm như vậy.”

Đoạn này chia ra 3 phần:

1) Phật tán dương chỗ đáng tán dương. Lặp lại: lành thay, lành thay, lời ca ngợi rất đẹp. Khéo hộ niệm, phó chúc nên làm cho hạt giống Phật không mất, việc đã hẳn nhiên, nên tán dương rằng, như Thầy đã nói.

2) Bảo nghe lời thuyết: không đem tâm hành sanh diệt để nghe pháp thật tướng. Luận Trí Độ có bài kệ:

Nghe pháp ngồi chễm như người khát
Nhất tâm để thấu đạt nghĩa lời
Phấn chấn nghe tâm vui hoan hỷ
Người như thế nói pháp hợp thời.

Ba lời khuyên tiêu biểu trình bày: Như Lai đang vì thầy như thế, như thế nhỏ nhẹ mà thuyết.

3) Ngài Thiện Hiện đứng nghe

“Thưa vâng, Đức Thế Tôn, con mong muốn nghe.”

Duy là lời thuận theo, đối với lễ gọi như thế, đối hoang dã (trống trải) gọi là gò, đồng. Kinh Thập Địa ghi rằng: như người khát nghĩ tới nước uống, đối nghĩ tới ăn ngon, bệnh nghĩ tới thuốc hay; như đàn ong chuốt mật. Chúng ta cũng thế, mong nghe pháp cam lồ.

4) Như Lai giảng dạy có 2 phần:

- a) đáp ngay câu hỏi
- b) nêu chung chỉ riêng hỏi lặp lại

“Phật dạy này Tu Bồ Đề, chư Đại Bồ Tát phải hàng phục tâm như thế nào?. Đây nói hàng phục là điểm chung, an trụ, tu hành là nói riêng; như an trụ tu hành đã có sự hàng phục rồi. Ý kinh ở điểm này nên chỉ nêu có mục hàng phục. Đây chứng tỏ rằng nêu việc sau đã bao hàm việc trước khiến cho lời Kinh rất là ẩn tàng, lý làm điên đầu từ xưa lời dạy vừa lấy trước bao hàm sau mà chưa nghe lấy sau bao nhiếp trước, huống gì Kinh rõ ràng không trả lời riêng chỗ hàng phục, nên biết hàng phục có nơi an trụ tu hành, đều làm xa lìa tướng. Trả lời câu hỏi hàng phục, không trả lời riêng. Tôn chỉ Kinh này lìa tướng mà lìa tướng tức là hàng phục tâm. Ý chính muốn nêu rõ hàng phục tâm nên phải dựa theo an trụ tu hành mà hiển bày. An trụ, tu hành, hàng phục tâm vốn không lìa nhau, nên ngài Vô Trước cho rằng 18 trụ xứ đều có trụ tu hàng phục tâm vậy. Dựa riêng chỉ chung để trả lời câu hỏi có 2 ý: trả lời hỏi làm sao an trụ và hàng phục tâm.

- Tâm quảng đại (rộng lớn).

“Nơi có hết thấy các loài chúng sanh hoặc đẻ trứng, hoặc sanh bào thai, hoặc sanh nơi ẩm thấp, hoặc biến hóa sanh; hoặc có sắc, không sắc, có tướng, không có tướng, hoặc không có tướng, không vô tướng.” Đoạn trên chia thành 2:

- a) Câu đầu tiêu biểu độ khắp ba cõi, hoặc loài đẻ trứng trở xuống... Nêu ra 3:

1) Thọ sanh khác nhau như sanh thiên, địa ngục, hóa sanh, ngạ quỷ, chung cả loài thai sanh, hóa nhơn, súc sanh mỗi loài có 4 mà những loài khác quá vi tế như ở dưới nước, trên cạn, đất liền, trên không, không thể nêu hết từng loại được. Loài đẽ trứng kém hơn nêu lên trước có 2 điểm:

- a) Dựa theo cảnh đủ duyên nhiều làm đầu
- b) Dựa tâm từ gốc tới ngọn là thứ

2) Y cứ sai biệt: hữu sắc có tứ thiên, vô sắc có 4 không

3) Cảnh giới sai biệt: Kinh Công Đức Thí ghi rằng, có tướng thì không thức hai xứ; không tướng thì không sở hữu xứ. Phi tướng có đánh, nhận, đệ nhất tâm. Tâm đệ nhất:

“Ta đều làm cho nhập Vô Dư Niết Bàn mà diệt độ đó, tức là Vô Trụ xứ Niết Bàn”.

Không chung nhị thừa nên gọi là đệ nhất. Ngài Vô Trước nói rằng, loài noãn sanh, thấp sanh vô tướng có đánh thì không thể được, tại sao nhập cùng có 3 nhân duyên:

1. Sanh chỗ nạn xứ đọa thời
2. Chẳng sanh chỗ nạn xứ do chưa thành thực làm cho thành thực
3. Đã thành thực làm cho được giải thoát

- Thường tâm:

“Nhu thế, diệt độ vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh mà thật không có chúng sanh được diệt độ”.

Diệt độ có 5 nghĩa:

- 1) Tánh không
- 2) Đồng thể: luận nêu rằng tự thân diệt độ không khác với chúng sanh
- 3) Gốc vắng lặng
- 4) Vô niệm
- 5) Đồng như pháp giới.

- Tâm không điên đảo:

“Tại sao thế? Nay Tu Bồ Đề, như Bồ Tát có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng, tức chẳng phải là Bồ Tát”.

Luận rằng, xa lìa chỗ nương thấy thân, có tướng chúng sanh v.v...

Ngài Vô Trước nói: đã đoạn ngã kiến thời tự hành tướng bình đẳng, tin hiểu rõ ta - người bình đẳng; biểu lộ nơi tâm đã hàng phục thu nhiếp tán loạn chúng sanh tướng cũng không chuyển, như sức nóng bốc cháy.

Trả lời câu hỏi hàng phục tâm trước hết nói tổng quát:

“Lại nữa Tu Bồ Đề, Bồ Tát đối với pháp nên không chỗ trụ (bám, chấp) mà hành bố thí”.

Đối với pháp là nói chung các pháp nên không có cao hạ mà tu hành. Hỏi Bồ Tát hành bố thí có chỗ trụ cầu tướng Phật, làm sao vô trụ? Ngoài ra, không trụ tướng là nhân đâu có thể cảm được sắc tướng là quả chứ?

Nhân quả không cùng loại, đoạn này chia làm 4 phần:

- 1) Trước tiên nêu câu hỏi về nhân:

“Nay Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ thế nào, có thể nào dùng thân tướng thấy Như Lai không?”

Đây nhân do lấy tướng cho là Phật nên đối với ở trước nói không trụ tướng nêu nghi vấn. Phật nêu nhân nghi vấn qua hỏi đáp là muốn trừ dứt nghi.

2) Đề phòng tướng đạt được để trả lời:

“Không thể, bạch Đức Thế Tôn, không thể dùng thân tướng thấy được Như Lai”. Ngăn ngừa người nghi muốn đem tướng cầu thấy được Phật nên trả lời rằng, không thể lấy tướng thấy được Như Lai.

Luận rằng, vì phòng ngăn tướng đạt thành thân Như Lai.

3) Thể khác với hữu vi:

“Tại sao? Vì Như Lai nói thân tướng tức chẳng phải là thân tướng”.

Tướng là pháp hữu vi trong sanh, trụ, dị, diệt. Thân tướng Phật khác hữu vi nên chẳng phải là thân tướng. Có câu kệ như sau: “Ba tướng khác thể nên thân Phật khác với ba tướng hữu vi”.

Hai tướng trụ, dị cùng ở hiện tại nên hiệp chung làm một. Nếu đem phân tích kỹ có 4 như Duy Thức luận rằng, “lúc sanh biểu lộ pháp này trước chẳng có, lúc diệt chứng tỏ pháp này sau là KHÔNG”.

Nói, “khác” chứng tỏ pháp này chẳng ngưng đọng (tụ), trụ biểu hiện pháp tạm có Dụng.

4) Phật thân vô tướng ấn:

“Phật dạy này Tu Bồ Đề, phàm hễ có tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai”.

Không phải thân Phật vô tướng mà chỉ vì tất cả phạm thánh nương đó. Tướng hữu vi hoàn toàn là hư vọng, do nơi vọng niệm khởi hiện nên vọng niệm vốn không, làm gì có thật.

Luận Khởi Tín luận rằng, hết thấy các cảnh giới chỉ nương nơi vọng niệm mà có sai khác. Nếu là vọng niệm tức là không có tướng của các cảnh giới. Nếu thấy có các tướng... Khuyên nên liả sắc quán KHÔNG, vì sợ nghe nói tướng đều là hư vọng. Ngoài ra, riêng cầu Phật vô tướng nên gọi tướng tức phi tướng ấy là Như Lai mà không phải chỉ có Phật hóa thân mới gọi Như Lai. Thấy hết thấy tướng tướng đều vô tướng tức là Như Lai.

Luận Khởi Tín luận rằng nói nghĩa giác như tâm liả niệm, liả nghĩ tướng vv... như hư không tức là pháp thân Như Lai bình đẳng.

Triệu pháp sư rằng: hạnh hợp thông rõ là thấy Phật. Có câu kệ rằng, liả kia là Như Lai tức liả 3 tướng là Pháp thân Như Phật. Không chấp đối với sắc thân chỉ liả biến kế (chấp), không chấp sắc tướng mới thật sắc thân. Luận ấy cũng luận rằng, đây là hiển bày sắc thân Như Lai. Ngoài ra, đây mới là sắc thân muốn đạt ở trụ xứ thứ ba.

Đoạn nhân quả thăm thăm không tin nên khởi nghi. Luận rằng, không trụ hành bồ thí là nhân sâu; vô tướng thấy Phật là quả sâu. Đời ác về sau hẳn không sanh niệm tin không thuyết làm sao lợi ích. Đoạn văn sau đây có 4: trước hết dựa theo không tin để nêu điểm nghi.

“Tu Bồ Đề bạch Phật rằng, bạch Đức Thế Tôn, và có chúng sanh nghe được lời câu, chương kinh như thế mà sanh thật tin không? Bản dịch đời Ngụy rằng và có chúng sanh trong đời vị lai, v.v., ở đây lược câu này ảnh hưởng

tới đời vị lai 500 năm sau. Câu đủ làm sai biệt chương Kinh và người hiểu câu văn là thật tin vậy. Đại Phẩm ghi rằng đối với tất cả pháp KHÔNG, tin là tin Bát Nhã, hai lời nghi trách để hiển tỏ niệm tin.

“Phật bảo này Tu Bồ Đề, chớ nói như thế, sau khi Như Lai tịch diệt 500 năm sau, có người giữ giới tu phước đối với câu chương Kinh này mà sanh tín tâm cho đây là thật. 500 năm sau theo Đại Tập cho rằng, 500 năm đầu là giải thoát kiên cố, 500 năm thứ hai là thiền định kiên cố, 500 năm thứ ba là đa văn kiên cố, 500 năm thứ tư là tháp tự kiên cố, 500 năm thứ năm là đấu tranh kiên cố, như hai câu đầu đã nêu nghi vấn căn bản. Đời không tin nên nói là ác thế để dứt mối nghi. Trì giới tu phước có nghĩa giữ giới tu định; cho đây là thật tức là hiểu đúng không sai lầm.

Ngài Vô Trước nói rằng, tăng thượng giới 3 bậc học biểu hiện hạnh tu ít ham muốn có công đức. Giữ giới thoát 3 đường khổ, tu định khỏi bị sáu món dục sai sử, dụng huệ lia khỏi ba cõi. Ba minh phát niệm tin có 2 ý:

a) Thân cận thiện hữu tích tập nhân tin

“Nên biết người này không phải nơi một Đức Phật, hai Đức Phật, 3 Đức Phật, 4 Đức Phật, 5 Đức Phật mà đã gieo trồng thiện căn nơi vô lượng ngàn vạn Đức Phật. Gieo trồng căn lành nghe Kinh cho chí một niệm sanh niệm tin thanh tịnh.

Ngài Vô Trước nói rằng, hiền bày nhân đã gieo nơi nhiều các Đức Phật lâu dài, thân cận thiện hữu là duyên thù thắng. Gieo trồng thiện căn tức đã hàng phục 3 độc là nhân thù thắng.

b) Thiện hữu kể cả đã có đủ đức tin, gồm có phước biểu lộ phước đức.

“Này Tu Bồ Đề, Như Lai ắt biết, ắt thấy những chúng sanh đạt được vô lượng phước đức”.

Ngài Vô Trước nói: đối với tất cả việc đi đứng chỗ tạo tác mà biết rõ tâm mình. Bốn uẩn thấy đều nương sắc thân nên ở đây hiển bày thiện hữu bao hàm cả.

Luận rằng, nếu không nói thấy hay nói Như Lai lấy trí so sánh đây để biết. Nếu không nói biết hoặc cho rằng Như Lai dùng nhục nhãn thấy nên phải có 2 từ phước đức.

Bản dịch đời Ngụy rằng, sanh phước đức như thế, thủ phước đức như thế.

Luận rằng, sanh ấy là hay sanh cái nhân, thủ ấy huân tu là quả.

Ngài Vô Trước nói: sanh tức phước sanh lúc hiện hữu: chấp có nghĩa hành giả khi chết mang theo chủng tử, nhưng ở đây gọi là được. Sanh chấp 2 nghĩa không rời với đắc (được); đắc một chữ sanh chấp đều bao hàm. Nên rõ nhiếp thọ do hiển bày trí huệ. Do không có hai chấp nên được nhiếp thọ. Đoạn sau có 2 ý:

Trước hết nêu rõ đã đoạn chấp thô:

“Tại sao thế? Là vì chúng sanh không có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng; không pháp tướng, cũng không phi pháp tướng”. Trước hết trung dẫn tin, do nghĩa gì được Như Lai ắt biết ắt thấy...?

Sau giải thích trong 2 ý:

a) Không chấp ngã tức chấp tự thể làm ngã. Kể cái NGÃ lần lượt chuyển sanh nơi cõi khác được làm người. Nào ngã thành suy, vui khổ qua nhiều dạng thay đổi liên

tục là chúng sanh cho rằng ngã là một báo thân, căn không mất còn tồn tại là thọ mạng.

b) Không chấp pháp, luận rằng, không pháp tướng, năng chấp sở chấp hết thảy pháp KHÔNG; cũng không phi pháp tướng. Vô ngã là chân không thật hữu, song lia hai chấp là đạt được tri kiến Phật, thành tựu phước đức thiện căn gốc của tịnh tín, từ bỏ luôn cả tướng vậy. Luận rằng, có trí tuệ liền đủ sao còn nói công đức giữ giới. Dựa tín tâm cung kính hay sanh thật tướng nên không chỉ nói 2 nhân bát nhã mà còn hiển lộ chấp vi tế chưa trừ dứt.

“Tại sao thế? Vì những chúng sanh nếu tâm chấp tướng thì chấp ngã, Nhơn, chúng sanh, thọ mạng. Nếu chấp pháp tướng tức là chấp ngã, Nhơn, chúng sanh, thọ mạng. Tại sao? Nếu chấp phi pháp tướng tức chấp ngã, Nhơn, chúng sanh, thọ mạng. Nếu tâm chấp trở xuống...”

Nêu chung 2 tướng nên hiểu là hai tướng chấp pháp, phi pháp đều gọi là tướng. Cũng như việc thiết lập chấp tướng thì các tướng ngã, v.v... liền thành tông nghĩa. Nếu chấp pháp trở đi...nêu riêng 2 tướng.

Luận rằng, chỉ vô minh sai sử không hiện phiền não thô biểu hiện không ngã kiến.

Ngài Vô Trước nói rằng, chỉ chấp pháp và tướng thay đổi phi pháp, không phải ngã, v.v...tướng nên nương tựa không đổi. Trong đó có trung dẫn: chấp pháp chỉ là pháp tướng, tại sao lại chấp ngã, v.v...?

Giải rằng: chấp không pháp cũng là chấp ngã, v.v... hưởng gì còn chấp pháp đem sau giải thích trước.

4) Nêu rõ thâm nghĩa trung đạo:

“Vì thế, không nên chấp pháp, cũng không nên chấp phi pháp. Vì nghĩa ấy cho nên Như Lai thường nói: Tỳ Kheo các con, phải biết Ta nói pháp dụ như chiếc bè. Pháp còn phải xả huông gì là phi pháp”.

Trước qui nạp sau dẫn thí dụ. Lấy thí dụ chiếc bè để chứng minh, mượn lời hiển tỏ ý nghĩa, không nên vin lời chấp nghĩa. Không chấp tức là chẳng thủ chứ không phải hoàn toàn bỏ hết. Có câu kệ rằng: kia không trụ tùy thuận nơi pháp chứng trí.

Luận giải thích rằng, không trụ là đạt được trí, bỏ pháp NHƯ đến được bờ kia; tùy thuận pháp đã chứng trí nên như chưa tới bờ.

Ngài Vô Trước nói: pháp còn phải bỏ tức là thật tướng; huông gì phi pháp là hợp lý KHÔNG, nên 3 đoạn trừ dứt vô tướng sao còn nêu vấn nghi nữa? Luận rằng: nhắm không thể dùng tướng thấy Phật, vì Phật chẳng phải tướng hữu vi, tại sao Đức Phật Thích Ca đặc vô thượng Bồ Đề? Tại sao có thuyết pháp?

Đoạn sau có 2 ý: hỏi đáp, đoạn nghi. Nêu nhân đề hỏi:

“Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Như Lai có đạt được Vô Thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Như Lai có thuyết pháp không?”

Phật hỏi có đặc không? Ý chỉ rõ không đạt được. Ngài Vô Trước nói rằng, chỉ rõ phiên dịch đối với chấp chánh giác nên có 2 theo lý để đáp.

“Tu Bồ Đề thưa, theo chỗ con hiểu nghĩa Phật nói, không có định pháp gọi Vô Thượng Chánh đẳng chánh giác. Cũng không có định pháp Như Lai thuyết”.

Có câu kệ rằng, “ứng hóa thân chẳng phải là chân Phật, cũng chẳng có thuyết pháp”, giải thích lời pháp vô định.

“Tại sao thế? Vì Như Lai nói pháp đều không thể chấp, không thể thuyết; chẳng pháp không phải chẳng pháp”.

Ngài Vô Trước nói rằng, không thể chấp như ngay lúc nghe; chẳng pháp là tánh phân biệt nên không phải chẳng pháp. Pháp như lý vô ngã nên luận rằng, pháp ấy chẳng pháp, không phải chẳng pháp. Dựa theo Chân Như mà nói thì chẳng pháp, vì tất cả các pháp không thể, tướng nên không phải chẳng pháp. Chân Như ấy vô ngã, thật tướng hữu, tại sao chỉ nói thuyết không nói chứng? Có người nói thuyết ấy tức thành nghĩa chứng. Nếu không chứng thời không thể thuyết.

Giải lý do của không chấp thuyết:

“Tại vì sao thế? Vì hết thấy hiện thánh đều vì pháp vô vi mà có sai biệt”.

Bản dịch đời Ngụy rằng, tất cả thánh nhân đều do pháp vô vi mà đạt được danh. Ý luận nói rằng thánh nhân chỉ nương chân như thanh tịnh mà có tên, không đặc pháp riêng nên không chấp thuyết mà có sai biệt như luận rằng, chân như hoàn toàn thanh tịnh đích thực thanh tịnh.

Ngài Vô Trước cho rằng, vô vi là nghĩa không phân biệt, vì thế Bồ Tát hữu học đạt danh. Trước hết trừ diệt tán loạn là vô vi hiển bày, cho nên sau vô vi chỉ đệ nhất nghĩa ⁽¹⁶⁾ là vô thượng giác. Các bậc hiện thánh tam thừa đều tu chứng pháp vô vi nên nói chung là có sai biệt.

So sánh bày chỗ hơn có 4 ý: 1) trước hết nêu phước ít để hỏi.

“Này Tu Bồ Đề, ý thầy nghĩ thế nào? Nếu có người đem bảy báu đầy cõi ba ngàn đại thiên dùng bố thí, người ấy được công đức có nhiều không?”

Luận Câu Xá có bài kệ rằng:

*Trời trắng bốn châu lớn ở thế gian
Lục dục, Phạm Thế mỗi cõi một ngàn
Đó là một tiểu thiên giới
lấy 1000 tiểu thiên giới này
nhân lên thành một trung thiên giới.
Dem 1000 trung thiên giới
Nhân lên thành một đại thiên
Thế giới đều thành một kiếp hoại.*

Bảy thứ báu đó là vàng, bạc, lưu ly, san hô, mã não, xích châu, pha lê.

2) Nêu phước nhiều để trả lời:

“Tu Bồ Đề thưa, rất nhiều bạch Đức Thế Tôn. Tại sao? Vì phước đức tức phi tánh phước đức, vì thế Như Lai nói phước đức nhiều”.

Ngài Vô Trước nói rằng, phước đức được lặp lại; tức chẳng phải dựa theo thắng nghĩa không. Vì thế, dựa theo thế tục là Hữu.

3) Kinh ghi nhận phước vượt hơn hẳn:

“Nếu lại có người đối với Kinh này mà thọ trì nhẫn đến 4 câu kệ, v.v... vì người mà diễn giảng phước người này hơn người bồ thí kia”.

Có bài kệ rằng:

Thọ trì và giảng pháp

Chẳng không với phước đức

Phước chẳng đến Bồ Đề

Cả hai hướng về giác.

Bài kệ chỉ với 4 câu ý nghĩa chính xác trọn vẹn là thành bài kệ. Phạm hễ có tướng, đều là hư vọng, như thấy các tướng phi tướng tức thấy Như Lai, nghĩa này thật hết sức huyền diệu. Nhưng chỉ có nghĩa thấy 4 câu kệ, còn thọ trì, thuyết giảng tức đạt tới Bồ Đề. Một bài kệ không nhất thiết là 4 câu, vẫn có thể tăng hơn hay giảm ít mà nghĩa trọn vẹn thì vẫn gọi là kệ.

4) Giải thích nguyên do vượt thắng

“Tại sao? Nay Tu Bồ Đề tất cả chư Phật và pháp chư Phật đạt tới Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều từ Kinh này mà ra”.

Chư Phật và giáo pháp, luận rằng, gọi là pháp thân, đối với pháp thân đó đây phân thành hai liễu nhân. Hết thảy chư Phật tức là báo thân Phật, luận rằng đây là sanh nhân.

“Nay Tu Bồ Đề, chỗ gọi Phật pháp ấy tức chẳng phải Phật pháp. Trong đệ nhất nghĩa không có Phật pháp xuất phát từ Kinh”.

Đoạn trừ chấp đạt 4 quả Thanh Văn lấy đó nghi vấn. Luận rằng, hướng về thánh nhân và pháp vô vi không thể chấp

thuyết, tại sao Thanh Văn có chấp các quả? Chúng Như nên thuyết trong đoạn văn có 4 ý, trước nêu:

1) Quả nhập lưu

“Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ thế nào? Tu Đà Hoàn hay niệm nghĩ: ta có đạt quả Tu Đà Hoàn không? Tu Bồ Đề thưa, Không, bạch Đức Thế Tôn. Tại sao? Tu Đà Hoàn gọi là nhập lưu mà không chỗ nhập. Không nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ấy gọi là Tu Đà Hoàn.

Tu Đà Hoàn Trung Hoa dịch là nhập lưu tức nhập vào dòng thánh nên cũng gọi là dự lưu, dự vào dòng Thánh nhân. Nhưng do không nhập 6 trần gọi là vào dòng Thánh mà không nhập nơi nào khác.

Luận rằng thánh nhân đắc quả KHÔNG không chấp một pháp, không chấp cảnh 6 trần gọi là ngược dòng, cho chí A La Hán không chấp một pháp. Do vì nghĩa đó nên gọi là A La Hán, song không phải chẳng chấp quả vô vi. Trong khi chúng đắc lìa chấp ngã, v.v... phiền não nên không có tâm như thế này: ta hay đắc quả. Nếu khởi tâm cho rằng ta hay đắc quả tức là chấp ngã, v.v... Nên biết rằng quả là nghĩa không chấp, sao còn nghi rằng có chấp.

2) Quả Nhứt lai

“Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Tu Đà Hàm hay suy nghĩ rằng ta có đạt quả Tu Đà Hàm không? Tu Bồ Đề thưa, không bạch Đức Thế Tôn. Tại sao? Tu Đà Hàm còn một lần qua lại (nhân gian) mà sự thật không có vắng lai, gọi là Tu Đà Hàm.

Tu Đà Hàm dịch là nhất lai, đã đoạn phiền não 6 phẩm hoặc cõi dục, từ đây mạng chung một lần sanh lên trời, một lần trở lại nhân gian mới chứng A La Hán, nên gọi là nhứt

lai mà thật không trở lại, đã ngộ vô ngã rồi còn ai trở lại chứ?

3) Quả bất lai

“Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? A Na Hàm hay niệm nghĩ: ta có đắc quả A Na Hàm không? Tu Bồ Đề thưa, không bạch Đức Thế Tôn. Vì sao? Vì A Na Hàm gọi là không trở lại, nhưng thực sự không chẳng trở lại, vì thế gọi là A Na Hàm. A Na Hàm dịch là bất lai – không còn trở lại nữa, cũng gọi là bất hoàn, đã đoạn dứt 9 phẩm hoặc cõi dục, lúc mạng chung một lần sanh thiên không trở lại hạ giới nữa nên gọi là bất lai mà thật ra không chẳng lại, cũng như giải thích 3 ở trước.

4) Quả bất sanh (vô sanh)

A La Hán giải thích có 3 nghĩa:

- a) Sát tặc: diệt sạch phiền não trong 3 cõi (dục, sắc, vô sắc)
- b) Vô sanh (bất sanh): tức là không thọ thân sau nữa
- c) Ứng cúng: xứng đáng thọ của nhơn, thiên cúng dường.

Đoạn sau phân thành 3:

1. Nêu hỏi chỗ sở đắc

“Này Tu Bồ Đề ý thầy nghĩ sao? A La Hán hay niệm nghĩ: ta có đắc quả A La Hán không?”

2. Lấy không chấp trả lời:

“Tu Bồ Đề bạch Phật: không, bạch Đức Thế Tôn. Tại sao? Thật không có pháp gọi là A La Hán. Bạch Đức Thế Tôn,

nếu A La Hán tự nghĩ: ta đắc quả A La Hán, tức là chấp ngã, nhờn, chúng sanh, thọ mạng.

3. Dẫn chứng làm cho tin:

“Bạch Thế Tôn, Phật nói con được vô tránh tam muội, ở trong mọi người là hàng bậc nhất, là đệ nhất ly dục A La Hán. Vô tránh có nghĩa không xúc não chúng sanh, hay làm cho chúng sanh không khởi phiền não, nên Phật tán thán. Trong số 10 đại đệ tử ngài Thiên Hiện là đệ nhất ly dục A La Hán. Phiền não trong 3 cõi chỉ do tâm tham khắp gọi là dục, không phải chỉ có 2 chương dục giới (cõi dục) là không chấp.

“Con không nghĩ rằng, Con là ly dục A La Hán.”

4) Không nhận ý Phật giải thích:

“Bạch Đức Thế Tôn, nếu như con nghĩ: con đạt đạo A La Hán, thì Đức Thế Tôn không nói Tu Bồ Đề ưa hạnh vắng lặng. Vì Tu Bồ Đề thật không chỗ hành mới gọi Tu Bồ Đề là ưa thích hạnh viễn ly (A Lan Na hạnh).”

Luận rằng hạnh vắng lặng là 2 thứ chương:

1. Phiền não chương, đạt đạo A La Hán
2. Tam muội chương, đạt vô tranh nên không chỗ hành.

A Lan Na, Trung Hoa dịch là vắng lặng.

5) Nghi đoán Phật Thích Ca nơi Phật Nhiên Đăng có thuyết:

Luận rằng: Phật Thích Ca xưa chỗ Phật Nhiên Đăng có thọ pháp. Đức Phật Nhiên Đăng có nói pháp cho Phật Thích Ca, tại sao nói không thể chấp, không thuyết?

“Phật dạy, này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Như Lai xưa kia ở chỗ Phật Nhiên Đăng, đối với pháp có chỗ đặc không?”

“Không, bạch Đức Thế Tôn, Như Lai nơi Phật Nhiên Đăng đối với pháp thật không có chỗ đặc.”

Đối với pháp thật không sở đắc ấy do Phật Nhiên Đăng thuyết, thuyết là lời nói. Phật Thích Ca nghe cũng chỉ nghe lời nói. Lời nói không phải thật do trí chứng pháp, nên luận rằng, Phật Thích Ca ở chỗ Phật Nhiên Đăng, lời nói nói ra không thể cho đó là chứng pháp. Do nghĩa đó nên chỉ rõ Phật Thích Ca chứng đắc là không thể nói, không thể chấp.

6) Nghi chấp sai trang nghiêm quốc độ

Luận rằng, như pháp không thể chấp, tại sao chư Bồ Tát chấp trang nghiêm Tịnh độ? Tại sao thọ thân pháp vương? Đoạn này có 3 ý:

1. Nêu hỏi chấp tướng trang nghiêm

“Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao, Bồ Tát có trang nghiêm Phật độ không?”

Phật muốn nói rõ pháp tánh chân độ nên hỏi có chấp tướng cõi trang nghiêm không?

2. Lìa tướng trang nghiêm

“Không, bạch Đức Thế Tôn. Tại sao? Trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm, ấy chính là trang nghiêm.”

Có bài kệ rằng:

*Trí hàm duy thức thông
Cõi Tịnh độ viên dung*

*Chẳng phải đệ nhứt nghĩa
Chẳng trang nghiêm ý đồng.*

Luận giải rằng, chư Phật không có việc trang nghiêm quốc độ mà chỉ do trí tuệ chân thật hiểu rõ thông đạt. Không chấp trang nghiêm quốc độ có hai:

1. Hình tướng
2. Tướng đệ nhứt nghĩa

Không trang nghiêm tức không hình tướng, còn ý trang nghiêm tức là đệ nhứt nghĩa. Đem hết công đức thành tựu trang nghiêm.

3. Dựa tâm tịnh trang nghiêm

“Vì thế, này Tu Bồ Đề, chư đại Bồ Tát nên sanh tâm thanh tịnh như thế. Không nên trụ sắc sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, nên không chỗ trụ mà sanh tâm”.

Luận rằng, nếu có người phân biệt Phật độ là tướng hữu vi mà cho rằng, ta thành tựu là người ấy trụ nơi sắc, cảnh v.v... bị ngăn chướng, cho nên nói phải sanh tâm thanh tịnh như thế, không nên trụ sắc v.v... mà sanh tâm. Sanh tâm như thế là chánh trí và là chân tâm. Nếu hết thấy đều vô tâm bèn đồng không kiến (thấy trống không).

7) Dứt nghi chấp có thọ báo thân

Ý hồ nghi như trên. Đoạn văn có 2 :

1. Giải đáp đề trừ dứt nghi

“Này Tu Bồ Đề, có người thân to lớn như núi Tu Di, ý Thầy nghĩ thế nào, thân như thế có lớn không? Tu Bồ Đề thưa,

thật to lớn bạch Đức Thế Tôn. Tại sao? Phật nói chẳng phải thân gọi là thân to lớn”.

Luận rằng, như núi chúa Tu Di cao lớn bề thế nên gọi là đại nhưng không cho ta là núi chúa. Vì không phân biệt nên báo thân Phật cũng như thế, do đạt được thân pháp vương vô thượng nên gọi là lớn, mà không chấp ta là pháp vương, vì không phân biệt. Như bài kệ rằng:

Không chấp như sơn vương
Thọ báo cũng tự nhiên
Chẳng thân chấp có thân
Thân hữu lậu chẳng thường.
mới là thân vô vi vô lậu,
nên Kệ dẫn rằng:
Xa lìa nơi các lậu ⁽¹⁷⁾
Và mọi pháp hữu vi.

2. Luận rằng, như thế tức không có vật; nếu chấp như thế là có vật. Duy chỉ có thân thanh tịnh mới xa lìa pháp hữu vi.”

Do vì nghĩa đó nên thật có ngã thể, vì không nương trụ tha duyên. So sánh chỉ rõ phần hơn có 2 ý. So sánh dựa ngoại tài cho thấy trì Kinh hơn. So sánh hơn kém có 3 ý:

1. Dùng cát nhiều sông bàn số nhiều

“Này Tu Bồ Đề như sông Hằng có nhiều cát, và cát của nhiều sông Hằng như thế, ý Thầy nghĩ thế nào? Cát của nhiều sông Hằng có thật nhiều không?”

Tu Bồ Đề thưa, “Thật nhiều, bạch Đức Thế Tôn. Chỉ cát của sông Hằng còn nhiều vô số, huống gì là cát của nhiều sông Hằng.”

Từ hương đông của ao A Nậu lưu chuyển chu vi 40 dặm, cát mịn như bột gạo có óng ánh sắc vàng (cát sông Hằng). Phật phần nhiều ở gần sông Hằng thuyết pháp nên lấy đó nêu thí dụ.

2. Phỏng theo nhiều cát vì che ngăn phước

“Này Tu Bồ Đề, nay Như Lai nói thật cùng Thầy, nếu có người thiện nam, tín nữ nào đem bảy món báu đây khắp cõi 3 ngàn đại thiên dùng để bố thí được phước có nhiều không?”

Tu Bồ Đề thưa, “Thật nhiều, bạch Đức Thế Tôn”.

Luận rằng, trên đã nêu thí dụ rồi sao còn nêu nữa?

Có bài kệ rằng:

Nói nhiều nghĩa khác nhau

Cũng hơn đem so sánh

So sánh phước thắng thanh

Nên lập nói thí dụ.

Tại sao không nêu thí dụ này trước? Vì từ từ giáo hóa chúng sanh khiến tin giáo nghĩa vi diệu. Vả lại, trên chưa hiển tỏ lấy gì làm công đức để đạt được Bồ Đề?

3. Dựa phước nhiều nêu rõ phần hơn

“Phật dạy Tu Bồ Đề, nếu có thiện nam, tín nữ nào đối với Kinh này nhẫn đến thọ trì 4 câu kệ v.v... vì người khác giảng giải, nhưng phước đức này hơn phước đức trước”.

Kinh Bồ thí cảm ứng lia sanh tử, chúng Bồ Đề đại ý giống như trên. Giải điểm hơn có 5 ý:

1) Trọng chỗ tán thán người hơn, trước hết nêu rõ chỗ đáng kính:

“Lại nữa, này Tu Bồ Đề, tùy theo nói Kinh này cho chí 4 câu kệ v.v... nên biết chỗ này được hết thầy thế gian trời người, a tu la đều nên cúng dường như chùa tháp Phật”.

Kinh Đại Bát Nhã ghi rằng, thiên đế không hiện ở đó, nếu chư thiên tới chỉ thấy tòa trống, tất cả đều làm lễ cúng dường rồi lui đi. Tháp Trung Hoa dịch là cao hiền (Tốt đồ ba), nói tháp ⁽¹⁸⁾ là nói lệch, miếu là miếu mạo, nơi thờ tự. Trong tháp thiết trí hình tượng Phật để mọi người chiêm ngưỡng, lễ bái.

2) Người đạt được lợi ích:

“Huống gì có người hết lòng thọ trì, đọc tụng, này Tu Bồ Đề, nên biết người này thành tựu pháp hy hữu đệ nhất tối thượng”.

Bốn câu trước còn hơn, huống gì ở đây hết lòng thọ trì nên là đệ nhất tối thượng vậy.

3) Chỉ bày nơi có Phật:

“Nếu Kinh này có tại đâu thì nơi đó có Phật, hoặc đệ tử đáng kính (của Phật).”

Kinh biểu lộ pháp thân Phật y pháp thời có báo thân, hóa thân. Ngoài ra, hết thầy hiền Thánh đều lấy pháp vô vi làm danh. Kinh nêu rõ, vô vi ấy có bậc hiền thánh và đệ tử đáng tôn quý. Đoạn sau luận có 2 điểm hơn.

“Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: bạch Đức Thế Tôn, Kinh này tên là gì? Chúng con phải phụng trì bằng cách nào? Phật dạy Tu Bồ Đề, Kinh này gọi là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, với danh tự như thế các Thầy nên

phụng trì. Tại sao như vậy? Nay Tu Bồ Đề, Như Lai nói Bát Nhã ba la mật là chẳng phải Bát Nhã ba la mật”.

Phật lập danh Kinh dựa theo năng đoạn mê hoặc (phiền não), do đoạn mê hoặc nên thắng đâu chẳng phải bát nhã?

Ngài Vô Trước nói rằng để đối trị như lời chấp nên ba đời chư Phật nói thắng (hơn) không khác.

“Nay Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Như Lai có thuyết pháp không?”

“Tu Bồ Đề thưa, bạch Thế Tôn, Như Lai không có thuyết pháp”.

Không thuyết pháp ấy tức không riêng khác nói tăng giảm, chỉ chứng NHƯ mà nói. Đã nói NHƯ thì không chỗ thuyết. Ba đời chư Phật đều nói như vậy, không nói khác.

Luận rằng, không có một pháp chỉ riêng Như Lai nói, còn chư Phật khác không nói.

Ngài Vô Trước nói rằng, đệ nhứt nghĩa không thể thuyết.

4) Bồ thí phước kém, còn số hạt bụi nhiều hơn:

“Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Ba nghìn đại thiên thế giới chỗ có vi trần ấy là nhiều không?”

“Tu Bồ Đề thưa, rất nhiều, bạch Đức Thế Tôn.”

“Nay Tu Bồ Đề, các vi trần Như Lai nói chẳng phải vi trần ấy gọi là vi trần. Như Lai nói thế giới chẳng phải thế giới gọi là thế giới”.

Luận rằng, phước đức bồ thí là nhân phiền não, do đó có thể thành việc phiền não. Bụi đất là vô ký chẳng phải nhân phiền não nên bụi hơn bồ thí kém. Ngài Đại Vân rằng

những đất bụi thì chẳng tham, phiền não v.v... nên gọi là vô ký. Phật nói bụi trần nơi ba ⁽³⁾ nghìn cõi không phải là nhân nhiễm phiền não. Cõi là bụi trần, cõi vô ký thì cõi là bụi trần. Nhân bụi không sanh phiền não; thí là nhân phước, phước sanh phiền não.

5) Cảm quả lia tướng thặng:

“Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Có thể dùng 32 tướng thấy Như Lai không?”

“Không thể, bạch Đức Thế Tôn. Không thể dùng 32 tướng thấy được Như Lai. Tại sao? Như Lai nói 32 tướng tức là phi tướng, ấy gọi là 32 tướng”.

E người bố thí của báu cho rằng, tôi bố thí cầu Phật, ai nói phiền não? Cho nên Kinh ghi rằng có thể lấy tướng thấy đó là Phật không?

Luận rằng, thọ trì giảng thuyết Kinh này hay thành tựu được Bồ Đề, hơn người bố thí kia.

Tại sao? Vì tướng ấy (bố thí) đối với Phật Bồ Đề không phải là pháp thân. Cho nên phước thọ trì Kinh có thể hơn phước đức 32 tướng bố thí. Ý này rõ ràng phước trì Kinh hơn bố thí mới được thân Phật có sắc tướng. Nếu chỉ dùng bảo vật bố thí là nhân phiền não. Dựa nội tài so sánh gấp nhân lên để chứng tỏ Kinh hơn. So sánh 2 phần hơn kém.

“Này Tu Bồ Đề, nếu có kẻ thiện nam, tín nữ nào đem thân mạng như cát sông Hằng bố thí. Nếu lại có người đối với Kinh này nhắc đến thọ trì 4 câu kệ vì người khác mà giảng thuyết, người này được phước rất nhiều”.

Xả thân hơn bố thí của báu; trì tụng thuyết giảng Kinh lại hơn xả thân.

Giải thích điểm hơn có 5:

1. Than khóc chưa hề được nghe pháp sâu màu như thế.

“Lúc bấy giờ ngài Tu Bồ Đề nghe hiểu thâm nghĩa Kinh Phật thuyết xong sụt sùi khóc lóc mà bạch Phật rằng, hy hữu thay bạch Đức Thế Tôn, Phật nói Kinh điển thậm thâm như thế, con từ xưa trở lại đây đã đạt được huệ nhãn chưa từng được nghe Kinh như thế”.

Vất vả xả bỏ thân đã cảm động tới lòng người rồi, huống gì lại nghe Kinh không bằng thọ trì giảng thuyết, vì thế Tu Bồ Đề buồn khóc.

Luận rằng, nghĩ tới thân khổ bèn tôn trọng pháp nên buồn khóc. Huệ nhãn là nhân KHÔNG, chưa nghe được pháp KHÔNG.

2. Tịnh tâm khế hợp với đức:

“Bạch Thế Tôn, thật tướng ấy thời là chẳng phải tướng, vì thế Như Lai nói là thật tướng”.

Ngài Vô Trước nói rằng, vì tướng phân biệt lìa thật tướng.

3. Tin hiểu ba (3) pháp KHÔNG giống Phật thẳng

“Bạch Thế Tôn, nay con được nghe Kinh điển như thế tin hiểu thọ trì chưa đủ lấy đó làm khó. Nếu như đời sau, năm trăm năm sau có chúng sanh nghe được Kinh này mà tin hiểu thọ trì thì người đó thật là hy hữu đệ nhất”.

Ngài Vô Trước nói rằng, đời vị lai lúc pháp diệt mà còn có Bồ Tát thọ trì Kinh nên biết người ấy không chấp ngã, như v.v... Tại sao các vị ở thời kỳ Chánh pháp lại bỏ bê tu hành mà không sanh lòng hổ thẹn hay sao? Sau đây biểu tỏ 3 KHÔNG:

“Tại sao? Người này không có tướng ngã, như, chúng sanh, tướng thọ mạng. Tại sao thế? Ngã tướng tức là phi tướng; như tướng, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng tức là phi tướng. Tại sao? Lia hết thấy tướng gọi là chư Phật.”

Ngài Vô Trước nói rằng, vô ngã v.v... là không người chấp ngã; tức phi tướng là không chấp pháp, lia hết thấy ấy là hiển lộ chư Bồ Tát còn tùy thuận học tướng; chư Phật, Thế Tôn lia hết mọi tướng, vì thế ta nên học như thế.

“Phật dạy ngài Tu Bồ Đề, đúng vậy, đúng vậy”.

4. Lúc nghe bất động là hy hữu:

“Nếu lại có người nghe được Kinh mà không khiếp, không hãi, không sợ, nên biết người ấy thật là hy hữu (hiếm có)”.

Luận rằng, khiếp có nghĩa không đáng sợ mà sanh sợ hãi, kinh tức là không thể dứt được tâm nghi, sợ là một mực kinh khiếp. Người ấy tâm hoàn toàn rơi trong hốt hoảng khiếp hãi.

5. Nhân thanh tịnh đệ nhưt thắng:

“Tại sao? Nay Tu Bồ Đề, Như Lai nói đệ nhưt ba la mật, chẳng phải đệ nhưt ba la mật, ấy là đệ nhưt ba la mật.”

Tại sao như thế? Đoạn này có 2 ý:

- a) Đuổi theo mà không sợ sệt v.v...
- b) Trung điểm hơn việc đuổi theo.

Luận rằng, Kinh này gọi là nhân lớn, hơn các Kinh khác nên nói là thanh tịnh. Vô lượng chư Phật đồng thuyết nên Kinh quý như gỗ chiên đàn, so sánh không có Kinh nào hơn được công đức như thế. Vì thế trong các loại phước đức, phước trì Kinh này là hơn hết.

Hết quyển thượng

Chú Thích Quyển Thượng

1. **Tam tạng pháp sư:** Vị thầy thông hiểu ba tạng kinh, luật, luận truyền bá sâu rộng, nhất là khả năng dịch thuật ngoại ngữ để lại cho đời sau được lợi lạc. Chẳng hạn, tam tạng pháp sư Trí Tịnh, Minh Châu... hiện tại, hay ngài Thiện Siêu, Đức Nhuận... (đã viên tịch). Các ngài có nhiều khả năng diễn giảng, viết văn, làm thơ, dịch thuật, dạy học, điều hành các Phật sự quan trọng để xiển dương Phật pháp đều được xưng là bậc thầy thông hiểu tam tạng giáo pháp.

2. **Thế Thân:** cũng gọi là Thiên Thân. Đại luận sư người Ấn Độ, sống vào thế kỷ thứ 4, 5 người ở thành Phú Lâu Sa Phú La, nước Kiện Đà La, Bắc Ấn Độ, là con thứ hai của quốc sư Bà La Môn Kiều Thi Ca. Mời đầu sư cùng với anh là Vô Trước (Asanga) xuất gia theo Tát Bà đa bộ (Hữu bộ). Sau, ngài Vô Trước chuyển hướng sang Đại Thừa, mời đầu ngài không thuận, nhưng được ngài Vô Trước chỉ bày ngài mới ngộ lý Đại Thừa và chuyển sang Đại Thừa nỗ lực hoằng dương giáo pháp Đại Thừa và đặt nền móng cho phái Du già (theo Phật Quang Đại Từ Điển, H.T. Quảng Độ dịch cuốn 5 trang 5664, do Linh Sơn. Đà Loan xb năm 2000).

3. **Trường hàng** là thế văn xuôi mà Đức Phật hay dùng để thuyết kệ Kinh, khác thế văn vần tức thế kệ. Đây là một trong 12 bộ chân Kinh Đại Thừa trong hệ thống tam tạng giáo pháp Phật Đà hiện còn đang lưu truyền.

4. **Khế lý và khế cơ:** Phật thuyết pháp hợp với chân lý và cũng thích hợp với trình độ hay căn cơ người nghe. Nghĩa là tất cả mọi thành phần đều nghe và có thể

lãnh hội được pháp Phật dạy ứng dụng vào đời sống một cách hữu hiệu và lợi ích thiết thực.

5. **Vô lậu:** *Không thấm lọt, không rỉ chảy, không rơi rớt. Chỉ phiền não không còn nữa. Đối lại với hữu lậu là còn phiền não, còn sanh tử luân hồi. Vô lậu có nghĩa là dứt sạch phiền não không còn chi phối dẫn dắt đi trong mê lầm nữa.*

6. **Tam độc:** *ba (3) thứ độc do tâm tạo gồm: tham, sân, si. Gọi độc vì mầm tác hại của chúng vô cùng to lớn, lôi chúng sanh đọa lạc, làm mê không có kỳ hẹn thoát khỏi. Hình tướng của mỗi thứ độc như ta biết như thế nào rồi.*

7. **Diệt độ hay nhập diệt hoặc tịch diệt:** *thị tịch chỉ trạng thái vắng lặng thanh thoát của Phật lúc xả báo thân. Các bậc Thánh nhân, chư Tổ, các bậc danh tăng cao đức quá vắng gọi là viên tịch hay nhập Niết Bàn - gọi theo lối kính ngữ. Vì các Ngài như biết trước và dự liệu sẵn sàng mọi việc cho việc ra đi êm ái thanh thản.*

8. **Đại Tỳ Kheo chúng:** *Chúng đại Tỳ Kheo gồm đủ nhiều thành phần như từ Dự Lưu đến A La Hán hay Bồ Tát v.v... Mặc dù giới phẩm Tỳ Kheo (250 giới) chỉ một mà công hạnh độ sanh không giống nhau, tuy vẫn sinh hoạt chung cùng một đạo tràng hồi thời Đức Phật còn tại thế.*

9. **Bốn niệm xứ:** *bốn pháp tu quán niệm của hành giả để đạt chân lý. Đó là:*

a. **Quán thân bất tịnh:** *quán sát từ đầu tới chân thấy thân thể toàn là những thứ bất tịnh, tanh hôi, dơ uế. Nhất là 3 nghiệp thân - khẩu - ý gây ra không biết bao điều khổ hận, đau buồn cho ta ở hiện tại và tương lai.*

b. Quán thọ là khổ: quán tài, sắc, danh, thực, thọ (5 dục), quán 6 căn tiếp xúc 6 trần gây nên bao điều thống khổ. Cũng quán khổ, lạc và xả thọ đều là khổ, cho chí mừng, giận, buồn, vui, yêu thương, ghét, ham muốn v.v... tất cả đều chứa mầm đau khổ.

c. Quán tâm vô thường: tâm luôn biến đổi không ngừng như con ngựa hoang khó kềm chế nó một chỗ.

d. Quán pháp vô ngã: quán xét các pháp đều không có thật ngã và cái thuộc của ta. Nói cách khác là non vô ngã và pháp vô ngã.

(10) **Tà mạng**: sinh sống bằng nghề không chính đáng như xem tướng, bói quẻ, luyện bùa chú, đoán xem tinh tú, địa lý, phong thủy, bùa chế linh đơn, hô phong hoán vũ... Phật dạy người Phật tử chân chánh và hàng xuất gia không sống bằng tà mạng. Một trong 8 chánh đạo, thứ 6: chánh mạng là sống bằng nghề lương thiện, kể cả không sát sanh hại vật, không làm nghề quốc cấm v.v...

(11) **Thứ đệ khát thực**: khát thực theo thứ tự hết nhà này tới nhà khác, không chọn nhà giàu bỏ nhà nghèo hay ngược lại. Nếu nhà tu đi khát thực chọn lựa đối tượng, chắc hẳn không tránh khỏi sự phê bình chỉ trích của người đời, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thể hiện gương sáng này cho chúng đệ tử xuất gia hành theo.

(12) **Tăng già lê**: y của chúng Tỳ Kheo (đệ tử xuất gia của Phật) có 3 phẩm:

1. Phẩm hạ: An Đà hội là y 5 điều hay cũng gọi là y tác vụ tức y mặc làm việc thường ngày ở chùa.

2. Uất Đa La tăng – y phẩm trung, là y 7 điều mặc khi diễn giảng, thuyết pháp, khi đi đường.

3. Tăng già lê - phẩm thượng – cũng gọi đại y, là y 9 điều tức y mặc lúc hành lễ, hay những dịp quan trọng khác.

Chia theo phẩm vị còn phân loại như:

- Phẩm hạ có 3 bậc: y 5 điều, 7 điều, 9 điều
- Phẩm trung có 3 bậc: y 11 điều, 15 điều, 17 điều
- Phẩm thượng có 3 bậc: 19 điều, 21 điều, 25 điều.

Đức Phật thường mặc y Tăng già lê mỗi khi khát thực để nói lên tính chất quan trọng của việc hành trì.

(13) **Hạnh đầu đà:** hạnh tu ép xác, hành hạ thân thể ở trong cảnh sống thiếu thốn cực khổ như ngày ăn một bữa, đi chân trần, mặc đồ hoại sắc v.v... Xưa kia Đức Thích Ca cũng có một thời tu theo hạnh này. Người đệ tử trung kiên của Phật tu theo hạnh đầu đà là ngài Ma Ha Ca Diếp, và là một trong 10 Đại Đệ Tử xuất sắc của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

(14) **Năm uẩn hay năm âm:** là 5 yếu tố cấu tạo nên tâm thức và sắc thân của con người gồm: sắc (thân thể), thọ, tưởng, hành, thức (tâm) đều là giả dối do nhiều nhân tố hợp thành. Ta không nên làm hay chấp nó để khỏi bị mắc lừa và đau khổ.

(15) **Lợi dưỡng:** tài lợi để nuôi dưỡng thân xác. Do tâm tham con người có khi vì thân thể mà tạo nên nhiều điều tội lỗi xấu ác, làm phương hại tới tiến trình tu tập bị trở ngại, gián đoạn. Chẳng hạn, tự cho mình như thế này thế khác, tu chứng tới bậc này bậc nọ, ngòi thiền thấy Phật tỏa hào quang, Bồ Tát tới thọ ký v.v... nhằm mục đích

khiến người tin để ta lợi dụng. Đó là cách thể hiện của một ít thành phần đệ tử Phật thiếu tu tập Chánh pháp.

(16) **Đệ nhất nghĩa:** lý thâm diệu số một, không gì cao sâu hơn, điều đầu tiên của sự lý gọi là đệ nhất nghĩa. Kinh Thắng Man bảo quát q. Thượng ghi: “lý đạt tới tuyệt đỉnh không gì cao hơn được nữa thì gọi là đệ nhất; sâu sắc có căn nguyên, thấy rõ được thì gọi là nghĩa”.

(17) **Các lậu:** chỉ các phiền não chi phối tâm con người. Lậu có nghĩa rỉ, lọt, rơi chút chút, rịn chảy, dấy lan... phiền não thấm nhập nơi tâm mỗi khi một ít dần đưa tới tác dụng nên gọi là các lậu.

(18) **Tháp (Stupa): tháp đồ ba:** nơi thờ tro cốt của Phật hay các hàng cao đệ của Phật. Thân xác Phật sau khi trà tỳ (thiêu), còn lưu lại phần tinh anh là xá lợi được thờ trong những ngôi tháp. Tháp có nhiều hình thức khác nhau như: tháp hình kiểu bát úp ở Sanchi (Sơn Kỳ), tháp hình chiếc linh úp xuống trên đỉnh 7 vòng tròn (Ấn Độ), tháp hình tròn – Swuyamohunatha ở Nepal thành phố Katmandu, trên có tượng luân 15 tầng, trên đỉnh có thiên cái, tháp hình lục giác tại chùa Quốc Thanh, núi Thiên Thai gồm 9 tầng, cao độ 74m, tháp gỗ chùa Pháp Long (N.B.) do Thánh Đức Thái tử cho xây năm 606 gồm 5 tầng nay vẫn còn. Tháp ngũ luân, tháp có góc, tháp lầu gác như tháp chùa Xá Lợi – Saigon - Việt Nam; tháp mái dày như Đại Nhạn tháp hình tứ giác cao 7 tầng ở chùa Từ Ân tỉnh Tây An – Trung Quốc.

Kinh thí dụ nêu 10 quả báo của việc tạo tháp như sau:

1. Không sanh nơi biên địa

2. *Không bị bần cùng, khốn khổ*
3. *Không thọ thân ngu si, tà kiến*
4. *Có thể được làm vua những nước lớn*
5. *Thọ mạng lâu dài*
6. *Được sức mạnh như Kim Cương Na La diên*
7. *Được phước đức rộng lớn không ai sánh bằng*
8. *Được Chư Phật, Bồ Tát từ bi thương xót*
9. *Đầy đủ ba (3) minh, sáu (6) thông, tám (8) giải thoát*
10. *Được vãng sanh về các tịnh độ trong 10 phương.*

Tháp thấp nhất là 3 tầng, 5 tầng, trung bình là 7 tầng, 9 tầng, cao nhất là 12 tầng, 15 tầng, có khi chòm tháp cao lên tới trên 300 mét. Vì thế, hễ thấy tháp miếu là lễ bái như chùa thờ Phật vậy.

Quyển Hạ

*Đời Đường Sa môn Tông Mật thuật ở chùa Đại Hưng Phước.
Đời Tống Sa môn Tử Quyên giám định.*

*Sa môn Thích Bảo Lạc
dịch Hán sang Việt đời thủ tướng Kevin Rudd.*

Đoạn 8: Thọ trì giảng thuyết Kinh chưa thoát được quả khổ: nghi. Luận rằng, nói đến xả thân là nói kết quả thân khổ nên được phước kém. Nếu thế thì dựa theo pháp môn trì thuyết chư vị Bồ Tát tu khổ hạnh cũng là quả khổ, tại sao pháp ấy không thành quả khổ?

Đoạn văn có 2 ý: Siêu nhân đề trừ dứt nghi, nêu rõ cách nhân.

“Này Tu Bồ Đề nhân nhục ba la mật Như Lai nói chẳng phải nhân nhục ba la mật”.

Nhân tới bờ giác là đã xa lìa tướng khổ, huống nữa bờ kia chẳng phải bờ còn ai khổ ai nhân?

Nêu lên nhân có 2:

1. Dẫn chứng một đời khổ nhân
2. Chứng minh

“Tại sao? Này Tu Bồ Đề, như ta xưa kia vì vua Ca Lợi mà cắt xẻ thân thể. Ta lúc đó không tướng ngã, tướng nhờn, tướng chúng sanh, không tướng thọ mạng”.

Ca Lợi, Trung Hoa dịch là cực ác. Phật xưa kia làm vị tiên tu trong núi, vua dẫn đoàn tùy tùng đi săn, bị mệt nên ngủ say. Các cung nữ thấy tiên nhờn bèn tới cúng dường. Vua

tỉnh giấc nhìn quanh không thấy các cung phi bèn đi tìm gặp. Vua hỏi tiên nơn ông đạt được 4 quả chăng, tiên đều trả lời không đạt được. Vua giận cắt xẻ tiên nơn, làm trời nổi cơn thịnh nộ đổ trận mưa đá xuống. Nhà vua hoảng kinh lo sấm hời, còn vị tiên tu chứng pháp nhẫn không sân, nên vua khỏi bị hại. Luận rằng, không những không khổ mà lại còn vui nữa, do lòng từ bi vậy.

“Tại sao? Vì ta thuở xưa lúc thân thể bị cắt xẻ từng mảnh đò, nếu có tướng ngã, tướng nơn, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng thì phải sanh sân hận”.

1) Dẫn chứng nhiều đời tu nhẫn liên tục:

“Này Tu Bồ Đề, lại nghĩ về quá khứ trong 500 đời làm tiên nơn tu nhẫn nhục. Trong những đời ấy, ta không tướng ngã, tướng nơn, tướng chúng sanh, không tướng thọ mạng”.

Chông chất khổ nên lấy nhẫn chịu đựng, lớp lớp khổ nên tôi luyện nhẫn mà vui, chỉ có chánh định, từ bi ứng hợp.

Có câu kệ rằng:

Lìa ngã và tướng sân

Không khổ nào đích thật

Niệm từ bi an lạc

Khổ hạnh quả chánh chân.

2) Khuyên lìa tướng để an nhẫn.

Luận rằng, nếu như Bồ Tát không lìa tướng ngã, thấy khổ chịu khổ muốn bỏ Bồ Đề tâm nên khuyên lìa tướng. Ngài Vô Trước nói rằng, vì đối trị nhân không nhẫn có 3 loại

khô, đó là khô lưu chuyên, chúng sanh làm lỗi khô, khô thiếu hụt vì nhu cầu.

“Vì thế này Tu Bồ Đề, Bồ Tát nên lìa hết thấy tướng phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác”.

Nếu lìa tướng phát tâm, dù gặp đại khô vẫn có thể không bỏ. Ngài Vô Trước nói: lìa hết thấy các tướng là lìa 3 tướng khô như nêu trên.

1) Đối trị không thể nhẫn khô lưu chuyên:

“Không nên trụ sắc sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm. Nên sanh tâm vô sở trụ, nếu tâm có chỗ trụ thì là chẳng phải trụ. Vì thế, Phật thuyết tâm Bồ Tát không nên trụ sắc bố thí”.

Trước hết nêu rõ lưu là tập đế, chuyên là khô đế. Ngài Vô Trước nói: nếu chấp sắc v.v... tức là lưu chuyên trong khô bị vát và nên Bồ Đề tâm không sanh. Sau dẫn chứng như trên nói bố thí không trụ tướng có đủ nơi sáu độ.

2) Đối trị không nhẫn khô trái nghịch:

“Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát vì lợi ích tất cả chúng sanh nên bố thí như thế. Như Lai nói hết thấy các tướng tức là phi tướng; cũng nói tất cả chúng sanh là phi chúng sanh”.

Ngài Vô Trước nói rằng, đã vì chúng sanh mà làm việc bố thí tại sao đối với kia còn sanh lòng sân; tại vì không thể tướng không chúng sanh. Chúng sanh khi làm lỗi hay sanh mỗi một nên biểu hiện như vô ngã và pháp vô ngã. Luận về các tướng tức là tướng chúng sanh; phi tướng là vô ngã. Trong các âm ⁽¹⁾ thấy ngã là tướng chúng sanh; tất cả chúng sanh là nói chung pháp 5 âm. Phi chúng sanh tức là

KHÔNG ám nên pháp vô ngã. Khô thọ dụng thiếu hụt được trình bày trong đoạn sau.

Đoạn 9: Chứng thể KHÔNG chẳng nhân, nghi: luận về chúng quả là không, tại sao đối với quả lại hay tạo nhân?

“Này Tu Bồ Đề, Như Lai là chân ngữ, thật ngữ, như ngữ, lời không hư dối, lời không khác”.

Những gì Phật đã nói đều như sự thật, nay nói chúng quả tại sao nghi không hẳn vậy. Chân ngữ như nói Phật thân là pháp đại Bồ Đề, là chân trí vậy. Thật ngữ như nói Tiểu Thừa, pháp Tứ đế đúng sự thật; để có nghĩa là thật. Như ngữ như nói pháp Đại Thừa là chân như, Tiểu Thừa là Vô. Chẳng lời khác như nói Phật thọ ký 3 đời việc vẫn NHƯ không có sai khác. Phật đưa ra 4 lời này là không dối chúng sanh, vì thế bản dịch Đời Trần thêm vào không lời gian dối.

“Này Tu Bồ Đề, pháp Như Lai đạt được, pháp này không thật không hư”.

Không thật như nói tánh chẳng có; không hư như không nói tự tánh nên Hữu.

Đoạn 10: như Hữu cùng khắp nghi có đắc hay không đắc. Luận rằng, nếu Thánh nhân dùng pháp; vô vi chân như mà đắc danh thì chân như ấy ở mọi thời đều hằng hữu sao lại có đắc hay không đắc? Đoạn văn có 2 ý:

1. Nêu thí dụ để dứt nghi

“Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát trụ tâm nơi pháp mà hành bố thí như người vào chỗ tối, thời không thấy đường. Nếu tâm Bồ Tát không trụ nơi pháp mà hành bố thí như người có mắt sáng, như mặt trời chiếu sáng thấy hết mọi vật”.

Luận rằng, kẻ vô trí trụ pháp tâm không thanh tịnh nên không đắc; người có trí không trụ pháp, ánh mặt trời như trừ hết tối nên ánh sáng hiện. Không dụ chân như, sắc dụ tánh chất trên các đức.

2. Tán thán công đức của Kinh này

“Này Tu Bồ Đề vào đời sau, nếu có người thiện nam, tín nữ nào hay thọ trì, đọc tụng Kinh này thì được Phật đem trí tuệ Phật cho; ắt biết người đó, ắt thấy người đó đều được thành tựu vô lượng công đức”. Ngài Vô Trước nói rằng, người đọc tụng mà ở đây nói thọ trì, tức là muốn thọ nên đọc; vì muốn trì (duy trì, gìn giữ) nên tụng. Luận về thọ trì tức là tu hành; dựa pháp tông trì nên đọc tụng, tu hành. Dựa văn huệ nghe nhiều tức là nghe pháp từ vị khác trong tự suy xét để tu tập đạt trí huệ. Có bài kệ rằng:

Tu trì trong nhĩn nghe

Cả hai hiển mười điều

Trước xả thân không bằng

Sau xả mạng phước tăng.

“Này Tu Bồ Đề, nếu có người thiện nam, tín nữ nào, vào đầu ngày đem thân mạng như cát sông Hằng bỏ thí, giữa ngày lại đem thân như cát sông Hằng bỏ thí, ban đêm cũng đem thân mạng như cát sông Hằng bỏ thí. Trải qua vô số trăm nghìn, vạn ức kiếp đem thân mạng bỏ thí như thế”.

Có kệ rằng:

Cho mạng qua thời gian

Phước đức khó nghĩ bàn.

3) Tin Kinh được phước:

“Nếu lại có người nghe được Kinh này tín tâm không trái nghịch thì phước hơn người kia. Huống gì còn biên chép, thọ trì, đọc tụng, vì người mà giảng giải”.

Tin Kinh kém hơn việc thọ trì diễn thuyết; bố thí nhiều thân mạng hơn cả thí dụ ở trên.

“Này Tu Bồ Đề, lấy lời tóm tắt mà nói thì Kinh này không thể nghĩ bàn, không thể đo lường với vô biên công đức”.

Có câu kệ rằng: “Công đức không phải là cảnh giới”. Ngài Vô Trước nói rằng, không thể nghĩ bàn mà chỉ tự giác, không thể đo lường tức không so sánh hơn nhiều hay ít.

“Như Lai vì người phát tâm Đại Thừa mà thuyết, vì người phát tối thượng thừa mà thuyết”.

Tối thượng thừa ấy chỉ có một Phật thừa mà thôi.

4) Đủ đức hay truyền đạt

“Nếu có người hay thọ trì, đọc tụng, vì người mà giảng rộng. Như Lai hẳn biết người đó, ắt thấy người đó đều được thành tựu không thể lường, không thể tính, không có biên tế, công đức không thể nghĩ bàn. Những người như thế thời được gánh vác đạo vô thượng Bồ Đề của Như Lai”.

tức là thành tựu hết thảy... nên có kệ rằng: “Viên mãn vô thượng Bồ Đề”. Ngài Vô Trước nói đâm nhận tức là vai mang tuệ giác như gánh nặng trên vai.

5) Ít vui không kham (không chịu được)

“Tại sao thế? Này Tu Bồ Đề, như người ưa pháp nhỏ chấp ngã hơn, chúng sanh, thọ giả (thọ mạng) thì đối với Kinh này không thể nghe, thọ trì, đọc tụng, vì người giảng giải”.

6) Kinh này có ở đâu xem như tháp Phật

“Này Tu Bồ Đề, ở tại nơi nào nếu có Kinh này thời hết thấy trời, người, a tu la nên cúng dường. Nên biết chỗ đó chính là tháp đều phải cung kính đánh lễ đi nhiễu chung quanh, đem các thứ hoa hương cúng dường”.

7) Chuyển tội được phước

“Lại này Tu Bồ Đề, có thiện nam, tín nữ nào thọ trì đọc tụng Kinh này, nếu bị người khinh khi, người ấy nghiệp tội đời trước liền được tiêu trừ, nên đạt được vô thượng chánh đẳng chánh giác”.

Bị khinh khi nói chung trong đó hoặc đánh hoặc mắng chửi... Bản dịch đời Tùy cho rằng, khinh rẻ thật là đáng khinh. Ngài Vô Trước nói rằng, đây là việc hủy nhục có bằng chứng hay không. Lại nói, thật đáng khinh khi nên đạt Bồ Đề thì tội tiêu diệt.

8) Việc cao cả đáng tôn kính

Lược về thị hiện mau chứng Bồ Đề. Đoạn này có 2 ý:

a) Cúng Phật nhiều được đầy đủ phước đức

“Này Tu Bồ Đề, ta nhớ lại trong quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp, trước Phật Nhiên Đăng ta gặp 840,000,000 (tám mươi bốn ngàn ức) vô số Chư Phật thấy đều cúng dường phụng sự không để bỏ qua”.

Na do tha: số đếm 10 ức là một lạc xoa, 10 lạc xoa là một cu chi, 10 cu chi là một na do tha.

b) Trì Kinh nhiều mà lại ít phước

“Nếu lại có người ở đời mạt pháp về sau mà hay thọ trì đọc tụng kinh này đạt được công đức, đối với công đức

cùng đường Chư Phật của ta trăm phần không bằng một; ngàn vạn ức phần cho chí dùng toán số thí dụ cũng không thể bì kịp”.

9) Nghe rồi sanh nghi

“Này Tu Bồ Đề, nếu người thiện nam tín nữ nào ở đời mặt pháp về sau mà thọ trì đọc tụng Kinh này, đạt được công đức nếu ta nói đủ hoặc có người nghe nơi tâm ắt cuồng loạn, hồ nghi không tin”.

10) Tổng kết chỗ thâm diệu

“Này Tu Bồ Đề, nên biết rằng nghĩa của Kinh này không thể nghĩ bàn, quả báo cũng không thể nghĩ bàn”.

Ngài Vô Trước nói rằng, đây là hiền bày phước và quả không thể đo lường.

Đoạn 11: An trụ, tu hành, hàng phục là nghi về NGÃ: Phật dạy ta an trụ tu hành, hàng phục tâm kẻ cả không trụ tâm 10 nghi vấn trước chấp gây lỗi quấy. Nếu vô ngã thời ai thọ giáo, ai trụ, ai tu... nên phải lìa lỗi như thế. Cũng nói rằng, trừ phi chấp vi tế (nhỏ nhặt);

Có kệ rằng:

*Nơi nội tâm tu hành
Còn nghĩ ta là Bồ Tát.*

Đây là chương nơi tâm trái hẳn không trụ đạo. Đoạn này có 2 ý:

a) Trước nêu hỏi:

“Bấy giờ ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng, bạch Đức Thế Tôn, nếu có thiện nam tín nữ nào phát tâm vô thượng Bồ Đề làm sao an trụ tâm, làm thế nào hàng phục tâm?”

b) Câu trả lời có 3 ý:

1- Như gọi Bồ Tát hẳn vô ngã

“Phật dạy, này Tu Bồ Đề, nếu có thiện nam tín nữ nào phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, nên sanh tâm như thế. Ta phải diệt độ hết thầy chúng sanh; diệt độ chúng sanh xong mà thật ra không có một chúng sanh nào thật diệt độ cả”.

2. Nếu có tướng ngã không phải Bồ Tát

“Tại sao? Như Bồ Tát còn có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng thì không phải Bồ Tát”.

3. Năng sở đều là Bồ Đề

“Tại sao thế? Này Tu Bồ Đề thật không có pháp phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác”.

Đoạn 12: Có Phật nghi nhơn Bồ Tát. Luận rằng, nếu không Bồ Tát, tại sao Phật Thích Ca Như Lai chỗ Phật Nhiên Đăng có tu Bồ Tát hạnh? Đoạn sau chia làm 4 ý”

1) Nêu điểm nghi nơi chốn

“Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Như Lai chỗ Phật Nhiên Đăng có pháp đạt được vô thượng Bồ Đề không?”.

Hàng Oán vương thỉnh Phật Nhiên Đăng nhập diệt, trong thành già trẻ đều hết sức nghinh đón. Đường đi sinh lầy nên Thiện Huệ trải tóc cho Phật bước qua và được thọ ký, nên nêu vấn đề này hỏi.

2) Đoạn tâm nghi

“Không, bạch Đức Thế Tôn, như con hiểu chỗ Phật nói nghĩa, Phật ở chỗ Phật Nhiên Đăng không có pháp chi đạt được vô thượng Bồ Đề”.

Lúc ấy ngài Thiện Huệ hoàn toàn vô sở đắc (không có chỗ đắc). Là các sự phân biệt do không có pháp nên được thọ ký. Nếu có pháp là có tâm tướng không hợp Bồ Đề thời Phật không thọ ký.

3) Ân chứng dứt khoát

“Phật dạy: đúng thế, đúng thế! Nay Tu Bồ Đề thật không có pháp Như Lai đạt được vô thượng chánh đẳng chánh giác”.

Luận rằng, ta lúc bấy giờ tu các hạnh không có một pháp nào đạt được vô thượng Bồ Đề. Kinh Công Đức Thí luận dẫn Phật nói rằng: nếu thấy nơi Phật tức thấy tự thân. Thấy thân thanh tịnh là thấy Phật thanh tịnh. Thấy tất cả trí trí thấy đều thanh tịnh, trong đó thấy trí thanh tịnh cũng lại thanh tịnh, ấy là thấy Phật.

Ta thấy Nhiên Đăng Như Lai như thế là đạt vô sanh nhẫn. Hết thấy trí trí rõ ràng hiện tiền tức là được thọ ký. Tiếng thọ ký ấy không tới lỗ tai, cũng không phải trí biết được, ta trong lúc đó cũng mờ mịt không biết, là vô sở đắc.

4) Giải thích đảo ngược lại

“Nay Tu Bồ Đề, nếu có pháp Như Lai đạt được vô thượng Bồ Đề thì Phật Nhiên Đăng không thọ ký cho ta và nói: người ở đời sau được làm Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni. Vì thật không có pháp đạt được vô thượng Bồ Đề, vì thế Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho ta mà nói như thế này: người ở đời sau phải được làm Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni”.

Ngài Vô Trước nói rằng, như pháp Bồ Đề có thể thuyết như Phật Nhiên Đăng đã nói, Ta lúc bấy giờ liền đạt chánh giác, thì Phật Nhiên Đăng không thọ ký nói đời sau ta đạt được. Vì pháp bất khả thuyết nên Ta lúc bấy giờ không đạt chánh giác. Vì thế lời thọ ký rằng đời sau phải được.

Đoạn 13: Không nhân thì không có Phật pháp, trong đó có 3 ý:

1) Đoạn một chiều nói không có Phật. Luận rằng, nếu không Bồ Đề thì không có chư Phật Như Lai. Vì có sự kích bác đó cứ một chiều cho không có Phật. Để đoạn dứt nghi này nên nói rằng Như Lai tức là chân thật.

Đoạn sau có 2 ý: chỉ rõ Chân Như là Phật. “Tại sao? Như Lai đó tức là như nghĩa các pháp”. Ngài Vô Trước nói rằng, Như thanh tịnh cho nên gọi là Như Lai, cũng giống như vàng thật. Phật tức là Bồ Đề nên không đặc .

“Như có người nói, Như Lai đạt vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay Tu Bồ Đề, thật không có pháp Phật đạt vô thượng Bồ Đề”.

Trước nêu chỗ hiểu lầm, bản dịch đời Ngụy rằng, như có người cho rằng, Như Lai đạt được vô thượng chánh đẳng chánh giác, là người ấy không nói đúng thật. Sau đây giải thích đúng như có kệ rằng: “Bồ Đề người ấy thực hành như so sánh hạnh Bồ Tát trên là không đạt được”. Ngài Vô Trước nói rằng, hoặc nói nơi Phật Nhiên Đăng đối với pháp không đạt chánh giác; Đức Thế Tôn sau này tự đạt được chánh giác là để lia chấp này.

2) Cho rằng như có người nói, trong đó có ý: nghi không có pháp. Luận nói rằng, có người nói lời hủy báng,

nếu không nhân hạnh thì Phật không thể đạt vô thượng Bồ Đề. Đề đoạn trừ nghi này nên nói rằng Như Lai có đạt được.

Đoạn văn có 2 ý: trước do chấp mới nghi

“Này Tu Bồ Đề, Như Lai đạt được vô thượng chánh đẳng chánh giác trong đó là không thật, không hư”.

Luận: các tướng vô sắc v.v... đó chính là Bồ Đề vậy. Ngài Vô Trước nói rằng, hiển bày chân như là bất nhị ⁽²⁾ nên nói là ngôn thuyết. Vì ngôn thuyết nên Phật đạt chánh giác chẳng phải không có ngôn thuyết thế gian. Tiếp theo giải thích đoạn dứt nghi.

“Vì thế Như Lai nói tất cả các pháp đều là Phật pháp. Này Tu Bồ Đề như nói tất cả pháp đó tức là chẳng phải tất cả pháp, thế nên gọi là tất cả pháp”.

Luận rằng, tất cả pháp đều là thể chân như và đều là Phật pháp. Tức chẳng phải ấy là do sắc v.v... mà pháp là chân như, tức chẳng phải sắc v.v... là pháp chân như; thường vô sắc v.v... các tướng. Ấy gọi là chân như - tự tánh các pháp.

3) Hiển bày chân Phật, chân pháp:

“Này Tu Bồ Đề, thí như có người thân to lớn. Ngài Tu Bồ Đề nói, bạch Đức Thế Tôn: Như Lai nói thân người to lớn thì không phải là to lớn, ấy gọi là to lớn”.

Có câu kệ rằng:

Y theo pháp thân Phật

Ví dụ thân to lớn

Thân lìa mọi ngăn chướng

Là cùng khắp cảnh giới.

Công đức và thể lớn nên nói thân lớn; không phải thân tức là thân, vì thế cho là thân lớn. Luận rằng, chẳng phải thân là nói không có các tướng; thân lớn là thể chân như. Ngài Vô Trước nói rằng, bao hàm hết thấy chúng sanh là thân lớn; đối với thân rõ ràng là không tự không tha.

Đoạn 14: Không người độ nên sanh nghi nghiêm tịnh quốc độ. Luận rằng, nếu không Bồ Tát, chư Phật cũng không thành Bồ Đề, không độ chúng sanh cũng không nhập Niết Bàn; cũng không thanh tịnh cõi Phật, làm sao chư Bồ Tát phát tâm, và muốn làm cho chúng sanh vào Niết Bàn, phát tâm tu hành trang nghiêm cõi Phật?

Đoạn văn sau có 3 ý:

1) Trước nói rõ việc mất chánh niệm.

“Này Tu Bồ Đề, Bồ Tát cũng như thế, nếu cho rằng Ta nên diệt độ vô số chúng sanh thì không gọi là Bồ Tát”.

Có câu kệ rằng:

Không đạt pháp chân như

Mà phát tâm độ sanh

Và thanh tịnh Phật độ

Tức là tâm điên đảo.

2) Thứ đến nêu rõ không người độ:

“Tại sao? Này Tu Bồ Đề, thật không có pháp chi gọi là Bồ Tát. Không pháp gọi là Bồ Tát, cũng đâu có Ta độ chúng sanh”.

3) Nêu dẫn chứng lời trên:

“Vì thế Phật nói hết thấy pháp không ngã, không nhờn, không chúng sanh, không thọ mạng”.

Nói về trang nghiêm quốc độ, trước nêu rõ thất niệm (mất chánh niệm).

“Này Tu Bồ Đề, nếu Bồ Tát cho rằng, ta phải trang nghiêm Phật độ, đó không gọi là Bồ Tát”.

Nêu lý do giải thích:

“Tại sao thế? Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật tức phi trang nghiêm ấy là trang nghiêm”.

Giải thích thành tựu Bồ Tát

“Này Tu Bồ Đề, như Bồ Tát thông đạt pháp vô ngã, Như Lai nói đó đúng là Bồ Tát”.

Luận rằng, nếu khởi tâm độ chúng sanh, trang nghiêm quốc độ là điên đảo không phải Bồ Tát. Khởi những tâm nào là tâm Bồ Tát? Kinh nói là tâm KHÔNG đạt pháp. Ngài Vô Trước nói như nhờn Vô ngã và pháp vô ngã.

Đoạn 15: Nghi chur Phật không thấy các pháp. Luận rằng, trước nói Bồ Tát không thấy chúng sanh, không thấy ngã là Bồ Tát, không thấy quốc độ thanh tịnh. Nếu như thế thì chur Phật không thấy pháp. Đoạn văn có 2 ý: dựa theo 5 loại mắt có thể rõ ràng thấy thanh tịnh.

Có kệ rằng:

Dù Không thấy các pháp

Chẳng phải không rõ cảnh

Chư Phật đủ ngũ nhãn

Để thấy kia điên đảo.

Nói về 5 loại mắt, trước về nhục nhãn:

1) Nhục nhãn:

“Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Như Lai có nhục nhãn không? Đúng vậy Thế Tôn, Như Lai có nhục nhãn”.

Trong con người có sắc thanh tịnh thấy nội sắc bị trở ngại gọi là nhục nhãn. Phật đủ các căn nên cũng có mắt thịt (của người).

2) Thiên nhãn:

“Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Như Lai có thiên nhãn không? Đúng vậy Thế Tôn, Như Lai có thiên nhãn”.

Bên nhục nhãn dần tới trong suốt là thiên nhãn, thấy trở ngại ngoại sắc. Theo Đại Bát Nhã, nhục nhãn Phật có thể thấy vô số thế giới của cõi người không bị chướng bên trong. Nếu thiên nhãn Phật có thể thấy chư Thiên do có sắc tinh tế; trừ chư Thiên ra, thấy đủ mọi việc cõi người gọi là nhục nhãn. Ngài Tịnh Danh nói rằng, chỉ Phật Thế Tôn mới có chân thiên nhãn xem thấy vô số cõi Phật không bị 2 chướng (nội, ngoại).

3) Huệ nhãn:

“Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Như Lai có huệ nhãn không? Đúng vậy Thế Tôn, Như Lai có huệ nhãn”.

Lấy căn bản trí ⁽³⁾ soi tỏ chân lý.

4) Pháp nhãn:

“Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Như Lai có pháp nhãn không? Đúng vậy Thế Tôn, Như Lai có pháp nhãn”.

Hậu đắc trí ⁽⁴⁾ thuyết pháp độ chúng.

5) Phật nhãn:

“Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Như Lai có Phật nhãn không? Đúng vậy Thế Tôn, Như Lai có Phật nhãn”.

Bốn loại mắt trước Phật có đủ gọi là Phật nhãn. Ngoài ra thấy Phật tánh viên minh gọi là Phật nhãn. Ngài Vô Trước nói rằng, vì muốn làm cho sự thấy biết thanh tịnh hơn nên biểu hiện 5 loại mắt. Lược nói có 4 loại như sắc bao hàm đệ nhứt đế, gồm thế tục đế, nhứt thiết chủng ⁽⁵⁾ nên biết rằng bao hàm tất cả.

Cổ đức có bài kệ rằng:

Thiên nhãn thấy không ngại

Nhục nhãn lại chẳng thông

Pháp nhãn quán thế gian

Huệ nhãn thật duyên không

Phật nhãn như vùng hồng

Soi sáng mọi thể đồng.

Dựa theo chỗ biết của các tâm thanh tịnh có 5:

1. Căn cứ sông Hằng để nói số cát:

“Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Như cát của sông Hằng, Phật có nói cát đó không? Đúng vậy Thế Tôn, Như Lai nói cát ấy”

2. Phóng theo cát của một con sông để nêu cát nhiều sông:

“Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Như cát của một sông Hằng so với cát của nhiều sông Hằng”.

3. Phỏng cát của nhiều sông Hằng để chỉ số thế giới:

“Như thế cát những sông Hằng và thế giới chư Phật nhiều như số cát đó, như vậy là có nhiều không? Thật nhiều, bạch Đức Thế Tôn”.

4. Phỏng các thế giới có chúng sanh:

“ Phật dạy, này Tu Bồ Đề, trong ngàn ấy quốc độ có chúng sanh”.

5. Dựa theo mỗi một tâm chúng sanh:

“Ngàn ấy loại tâm Như Lai hẳn biết”.

Ngài Vô Trước nói: Ngàn ấy loại tâm gồm 2 loại: như tâm nhiễm và tâm tịnh; bao hàm hết thấy tâm dục và tâm ly dục.

a) Hiện vọng quy chân giải thích hẳn biết

“Tại sao? Như Lai nói các tâm đều phi tâm, vì thế gọi là tâm”.

Ngài Đại Vân nói rằng, do hết thấy vọng tâm nương thể chân như nên ắt biết rõ. Các tâm chỉ tiêu biểu; phi tâm do vọng thức vốn không; ấy gọi là tâm tức chân tâm không mất. Nếu so bốn luận giải thích thì Kinh này hơn.

Có bài kệ rằng:

Mỗi mỗi thức điên đảo

Do lìa nơi thật niệm

Không trụ tại thật trí

Nói điên đảo là thế.

b. Tìm chấm dứt cái tạp nhiễm để giải thích phi tâm

“Sở dĩ vì sao? Nay Tu Bồ Đề, tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại không thể đạt được, tâm vị lai không thể được”.

Ngài Vô Trước nói: quá khứ đã qua, vị lai chưa đến, hiện tại là đệ nhất nghĩa.

Đoạn 16: Nghi phước đức vì tâm điên đảo. Luận rằng nói về trụ tâm trong điên đảo đều không thể được, nếu như thế thời phước đức cũng là điên đảo làm sao gọi là thiện pháp?

“Nay Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Nếu có người đem bảy báu đầy cõi tam thiên đại thiên dùng để bố thí, người đó do nhân duyên như thế được phước có nhiều không? Đúng vậy Thế Tôn, người ấy do nhân duyên như vậy được phước rất nhiều”.

Vì lia tướng không điên đảo mà làm việc bố thí được phước vô lậu lia hẳn hai chướng, đã không điên đảo nên được phước nhiều.

“Nay Tu Bồ Đề, nếu phước đức có thật, Như Lai không nói là phước đức nhiều. Vì phước đức KHÔNG nên Phật nói được phước đức nhiều”.

Có kệ rằng:

Trí huệ Phật là gốc

Không làm giảm công đức.

Luận rằng, biểu hiện phước không có điên đảo. Phật trí là gốc nên có phước là chấp tướng, không phước tức lia tướng.

Hỏi: phước tánh KHÔNG nên phước nhiều; trên nói vọng tâm tánh không, vọng cũng phải nhiều chứ?

Đáp: phước lấy Phật trí làm gốc, thuận với tánh không nên hiểu rõ tánh không thì phước rất nhiều. Tâm điên đảo trái với tánh không tức hiểu rõ tánh không nên tâm diệt.

Đoạn 17: Nghi vô vi mà được làm sao có tướng. Luận rằng nếu chư Phật lấy pháp vô vi mà được tại sao chư Phật thành tựu tướng tốt nên gọi là Phật? Đây dựa pháp thân Phật nên lấy đó nghi.

“Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Có thể dùng sắc thân cụ túc thấy được Phật không? Không bạch Thế Tôn, không thể lấy sắc thân cụ túc thấy Như Lai. Tại sao? Như Lai nói sắc thân cụ túc tức là phi cụ túc sắc thân, ấy gọi là sắc thân cụ túc là tướng hảo tùy hình. Như trong gương có vật mới hiện ra vật”.

Luận rằng, pháp thân rốt ráo không phải sắc thân chẳng phải là hình tướng, song tướng tốt có 2 loại cũng không phải chẳng Phật. Hai loại này không rời pháp thân vì thế cũng có thể nói Không nên nói chẳng phải thân, cũng có thể nói có cho nên nói thành tựu (đạt được). Do vô tướng nên hiện tướng:

“Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Như Lai có thể dùng các tướng cụ túc thấy được không? Không thể, bạch Thế Tôn, Như Lai không thể dùng các tướng cụ túc thấy được. Tại sao? Như Lai nói các tướng cụ túc là phi cụ túc, ấy gọi là các tướng cụ túc”, tức là 32 tướng tốt, mỗi mỗi như trong phần sắc thân ở trước có nói.

Đoạn 18: Nghi không có thân làm sao thuyết pháp. Luận rằng nếu tướng hảo sắc thân Như Lai không thấy được, sao lại nói Phật thuyết pháp?

1) Để ngăn chặn sự hiểu sai lầm này:

“Này Tu Bồ Đề, thầy đừng cho Như Lai nghĩ rằng: ta phải có thuyết pháp; chớ nghĩ như thế; trong hang không người nào tạo nên âm thanh cả”

2) Giải thích nguyên do:

“Tại sao? Nếu có người cho rằng Như Lai có thuyết pháp là hủy báng Phật, không hiểu lời Phật dạy”.

3) Chỉ rõ chánh kiến

“Tu Bồ Đề, thuyết pháp đó là không pháp có thể thuyết, đó gọi là thuyết pháp” .

Có kệ rằng:

Như Phật pháp hiển nhiên

Sai biệt nói có hai

Không là cõi pháp giới

Thuyết pháp không tướng loại.

Ngài Đại Vân nói rằng, nếu nói không thuyết là chân thuyết pháp. Nếu nói có thuyết không gọi là thuyết pháp mà là bài báng Phật.

Đoạn 19: Nghi không pháp làm sao tu chứng. Luận rằng, Như Lai không đạt một pháp làm sao lia trên chúng nên cao thượng đạt chánh đẳng Bồ Đề. Điểm hồ nghi này biểu tỏ không thể chứng pháp gọi là vô thượng Bồ Đề. Đoạn này có 3 ý:

a) Do không pháp đạt chánh giác

“Tu Bồ Đề bạch Phật rằng, bạch Thế Tôn: đạt vô thượng Bồ Đề là không chỗ đạt được chăng? Phật bảo: đúng thế, đúng thế: Này Tu Bồ Đề, ta đối với vô thượng Bồ

Đề cho chỉ không có một pháp nhỏ nào có thể đặc, ấy gọi là vô thượng Bồ Đề”.

Có câu kệ rằng:

Chỗ kia không pháp nhỏ

Là vô thượng Bồ Đề.

Luận rằng, nơi Bồ Đề không có một pháp nào để chúng đặc gọi là vô thượng Bồ Đề.

b) Do bình đẳng là chánh giác

“Lại này Tu Bồ Đề, là pháp bình đẳng không có cao thấp, ấy gọi là vô thượng chánh đẳng chánh giác”.

Có câu kệ rằng: “Pháp giới không có tăng giảm”. Luận rằng pháp ấy bình đẳng nên gọi là vô thượng; do vô thượng là trên hết.

c) Chánh nhân trợ tu chánh giác

“Vì không ngã, không nhờn, không chúng sanh, không thọ mạng tu hết thấy các thiện pháp thời đạt được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Này Tu Bồ Đề, cho là thiện pháp ấy, Như Lai nói là phi thiện pháp gọi là thiện pháp”.

Không ngã vv... là liễu nhân tức là chánh đạo. Tu mọi thiện pháp là duyên nhân là trợ đạo tức là đạt vô thượng chánh đẳng chánh giác, cho là thiện pháp ấy là chỉ tiêu biểu tức chẳng phải vv...

Luận rằng, pháp Bồ Đề là pháp vô lậu nên gọi là phi thiện pháp. Do vì pháp vô lậu nên gọi là thiện pháp.

Đoạn 20: Nói vô ký nên nghi không phải nhân. Luận rằng, nếu tu các thiện pháp là đạt vô thượng Bồ Đề thì thuyết pháp không thể đắc Bồ Đề, vì đó là pháp vô ký.

“Này Tu Bồ Đề, như trong ba nghìn đại thiên thế giới nơi có các núi Tu Di cao lớn, có người dùng thất bảo nhiều như thế đem bố thí. Nếu lại có người đem Kinh Bát Nhã này nhân đến chỉ bốn câu kệ thọ trì, đọc tụng, vì người khác mà giảng thuyết, so với người bố thí trước phước đức trăm phần không bằng một, trăm ngàn vạn ức phần cho đến dùng toán số thí dụ cũng không sánh kịp”.

Có kệ rằng,

Dù nói pháp vô ký

Nhưng nói tới nhân kia

Vì thế môn pháp bảo

Hơn vô số trân báu.

Luận rằng, do lìa chỗ thuyết pháp không thể đạt đại Bồ Đề, pháp này có thể là nhân Bồ Đề. Lại nói rằng, pháp của ông là vô ký, còn pháp của tôi là ký, vì thế nên hơn cả bỏ ra vô số thất bảo.

Đoạn 21: Nghi bình đẳng làm sao độ sanh. Luận rằng, nếu pháp bình đẳng không có cao thấp làm sao Như Lai độ chúng sanh.

“Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Các vị đừng cho rằng Như Lai suy nghĩ: Ta phải độ chúng sanh. Này Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như thế”.

Nêu rõ chánh kiến:

“Tại sao? Thật không có chúng sanh Như Lai độ”

Có bài kệ rằng,
*Bình đẳng chân pháp giới
Phật chẳng độ chúng sanh
do danh thành các ám
không rời pháp giới tánh.*

Luận rằng, chúng sanh mượn danh cùng năm âm không lia pháp giới. Giải thích nhân trái ngược

“Nếu có chúng sanh Phật độ đó thì Như Lai còn có tướng ngã, nhờn, chúng sanh, thọ mạng”

Luận rằng, nếu Như Lai có tâm như thế thì trong 5 âm có chúng sanh đề độ, đây là lỗi chấp tướng. Ngài Vô Trước nói rằng, Như Lai sáng rõ như thế nên phải biết. Vì thế nếu có tướng chúng sanh là còn chấp có ngã.

d) Dẫn quét sạch dấu vết

“Này Tu Bồ Đề, Như Lai nói có ngã ấy là phi ngã, nhưng người phàm phu lấy đó cho là ngã. Này Tu Bồ Đề, phàm phu ấy, Như Lai nói phi phàm phu”.

Đoạn 22: Dem tướng so sánh nghi chân Phật. Luận rằng, tuy tướng thành tựu không thể thấy được Như Lai mà cho là tướng thấy thành tựu, so với trí nên biết pháp thân Như Lai. Đoạn văn sau có 5 ý:

1) Lấy tướng tiêu biểu Phật

“Này Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao, có thể dùng 32 tướng quán Như Lai không?”

2) Trả lời nhân mầm biết gốc

“Tu Bồ Đề thưa, đúng thế, đúng thế, dùng 32 tướng quán Như Lai”.

Ngài Đại Vân nói rằng, trước ngộ sắc thân nay mê pháp thân. Ý nói pháp thân lưu xuất thân tướng tức là do tướng này mà biết Phật chứng pháp thân vô tướng.

3) Khó phân biệt phàm Thánh

“Phật dạy: Tu Bồ Đề, nếu lấy 32 tướng quán Như Lai thì Chuyển Luân Thánh Vương là Như Lai”.

Có kệ rằng:

Không phải tướng sắc thân

Sánh biết Như Lai chân

Chỉ chư Phật pháp thân

Phật chẳng phải Luân Vương.

4) Hiểu Phật không phải tướng thấy

“Tu Bồ Đề bạch Phật rằng, bạch Đức Thế Tôn, như chỗ con hiểu Phật nói nghĩa, không nên lấy 32 tướng quán Như Lai”.

5) Thấy nghe không bằng

“Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng:

Nếu dùng sắc thấy ta

Dem âm thanh cầu ta

Áy người hành đạo tà

Chẳng thấy được Như Lai.

Đời Ngụy có thêm vào sau bài kệ như:

*Như Lai ấy thể diệu
là Pháp thân chư Phật
không thấy được pháp thân
hiểu biết khó định phân
Chỉ thấy sắc nghe thanh
là kẻ không biết Phật
do chân như pháp thân
không cảnh thức biệt phân.*

Ngài Vô Trước nói rằng, vì Pháp chân như không thể như lời nói mà biết được, chỉ tự chứng biết. 32 tướng đoạn dứt Phật quả nghi không liên quan phước tướng, do tướng trước so sánh pháp thân là sai. Ngoài ra, nghe nói dùng sắc thấy thanh cầu là tà, bèn nghĩ rằng: Phật quả một bề vô tướng vô vi. Nếu thế thì tu nhân phước đức chỉ thành quả tướng. Tướng quả không phải Phật quả. Phật quả không do tướng cụ túc mà được, nên Phật quả rất ráo không quan hệ phước tướng.

Luận rằng: có người khởi tâm như thế, nếu không nương phước đức đạt được đại Bồ Đề; chư Bồ Tát như thế thời mất hết phước đức và mất quả báo

Đoạn 23: đoạn sau có 4 ý:

1) Nghĩ tướng hủy hoại

“Này Tu Bồ Đề, nếu như Thầy suy nghĩ Như Lai không do tướng cụ túc đạt được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Này Tu Bồ Đề, chớ nghĩ vậy, Như Lai không

dùng tướng cụ tức đạt được vô thượng chánh đẳng chánh giác”.

Kinh Hoa Nghiêm ghi rằng:

*Sắc thân không phải Phật
âm thanh cũng như thế
vẫn chẳng lìa sắc thanh
thấy Phật lực thần thông.*

Triệu pháp sư nói rằng, chẳng thiên nơi sắc thanh nên nói phi, phi chẳng phải thân tướng nên lại nói đúng. Ngài Đại Vân nói rằng, nếu nói Như Lai không dùng tướng cụ tức là đoạn dứt kiến; Phật dạy chớ nghĩ như thế.

2) Lỗi của phá tướng

“Này Tu Bồ Đề, nếu Thầy suy nghĩ phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, nói các pháp đoạn diệt, chớ nghĩ như thế, phá tướng rơi vào đoạn diệt”. Đoạn diệt là lỗi tổn hại, lỗi của đoạn kiến - kiến chấp một bên.

3) Phước tướng không mất

“Tại sao? Phát tâm vô thượng chánh đẳng Bồ Đề, đối với pháp không nói tướng đoạn diệt”.

Ngài Vô Trước nói, đối với pháp không nói đoạn diệt có nghĩa là trụ pháp như mà thông đạt. Không trừ dứt các pháp bóng dáng sanh tử, nơi Niết Bàn đi lại tự tại làm lợi ích chúng sanh. Trong đó bị ngăn che một bên vắng lặng nên hiển tỏ không trụ Niết Bàn.

Có kệ rằng:

“Không mất công đức thì nhân và quả báo ấy hơn”.

Luận rằng, dù không dựa phước đức đạt Bồ Đề chân thật nhưng phước đức và quả báo chẳng mất. Do hay thành tựu trí huệ trang nghiêm là công đức trang nghiêm.

4) Chẳng mất nhân

“Này Tu Bồ Đề, như Bồ Tát đem thất bảo chất đầy trong các thế giới như cát sông Hằng để bố thí. Nếu lại có người biết các pháp vô ngã đạt thành nơi nhân, Bồ Tát này hơn công đức đã đạt được của Bồ Tát trước”.

Luận rằng, có người khởi nghĩ như thế này: Chư Bồ Tát đạt trí xuất thế, mất phước đức và quả báo nên bị che ngăn ở đây.

Có câu kệ rằng:

“Đạt thắng nhân chẳng mất, do đạt quả không nhiệm”

Vô ngã có hai thứ: nhơn vô ngã, pháp vô ngã.

Không thọ nên không mất:

a) Nêu đúng chứng minh

“Này Tu Bồ Đề, do chư Bồ Tát không thọ phước đức”.

Luận rằng, phước đức đạt được là quả hữu lậu nên đáng chê. Ngài Vô Trước nói: đây là hiện tỏ không vương sanh tử, nên nếu có ở trong sanh tử vẫn thọ phước đức.

b) Nêu lên giải thích

“Tu Bồ Đề bạch Phật rằng, bạch Đức Thế Tôn, làm thế nào Bồ Tát không thọ phước đức? Này Tu Bồ Đề, Bồ

Tát có tạo được phước đức cũng không nên tham đắm, vì thế nên nói là không thọ phước đức”.

Đoạn 24: Nghi hóa thân hiện có thọ phước. Luận rằng, nếu chư Bồ Tát không thọ phước đức thì làm sao quý ngài có phước đức cho chúng sanh dùng?

“Này Tu Bồ Đề, nếu có người cho rằng, Như Lai hoặc đến hoặc đi, hoặc ngồi hoặc nằm thì người ấy không hiểu nghĩa Phật nói”.

Có kệ rằng, “Phước đức ấy phải trả là giáo hóa cho chúng sanh, là hành động tự nhiên mà chư Phật hiện mười phương”.

Chỉ thấy đúng:

“Tại sao? Như Lai ấy không từ đâu đến, cũng không đi đâu nên gọi Như Lai”.

Có kệ rằng:

*Đến đi Phật hóa thân
Như Lai luôn bất động.*

Ngài Đại Vân nói: Tâm chúng sanh như nước trong sạch thì thấy Phật đến - đến không từ đâu; tâm ô trược thấy Phật Niết Bàn nơi song lâm thì nói Phật đi - đi không chỗ đến.

Triệu pháp sư nói: hiểu rất tinh tế thể NHƯ không nơi chốn, duyên đến vật hiện ra - không từ đâu lại; duyên hết thì khuất cũng không đi đâu.

Đoạn 25: Nghi pháp thân hóa thân khác nhau. Ý cứ bên trên không thể đem hóa thân biết được pháp thân. Pháp thân không đến đi, ngồi nằm, dường như Phật hóa

khác. Y cứ niệm đoạn diệt lại hiển lộ không mất phước tướng, tức là giống thật hóa nhất nên sanh nghi, đây dựa thế giới vi trần. Thực tế giải thích chẳng một chẳng phải khác để đoạn dứt nghi vấn này.

Dựa theo cõi vi trần phá một cái khác có 5 ý:

1) Phương tiện nhỏ nhất phá sắc thô

“Này Tu Bồ Đề, nếu có thiện nam tín nữ đem 3000 đại thiên thế giới nghiền ra thành vi trần, ý Thầy nghĩ thế nào? Những số vi trần ấy có nhiều không? Thật nhiều, bạch Thế Tôn”.

Có kệ rằng:

Ở chỗ các pháp giới

Không một cũng chẳng khác.

Luận rằng, chư Phật Như Lai đối với chân như pháp giới không phải trụ một chỗ, cũng không phải chỗ khác trụ. Vì biểu hiện nghĩa này nên nói đem thế giới nghiền thành vi trần.

Có kệ rằng:

“Thế giới tạo vi trần, đây chỉ dụ nghĩa ấy”.

Ngài Vô Trước nói rằng, vì phá danh, sắc, thân nên nói cảnh giới, vi trần, so sánh, trong đó cực nhỏ lấy làm phương tiện phá sắc thô. Nói vi trần là y cứ các phái Đại Thừa, như một cú tát mạnh sắc giả tưởng phân tán đến cực vi, lược sắc là bụi; không giống như thật trần phái Tiểu Thừa.

2) Không nghĩ phương tiện phá vi trần

“Tại sao? Nếu những vi trần là thật có thì Phật không nói là vi trần. Tại sao thế? Phật nói vi trần chúng là phi vi trần chúng, nên gọi là vi trần chúng”.

Luận rằng, bụi nghiền thành bột nên không phải chỗ nơi; những hạt bụi nhóm tụ lại nên chẳng phải một nơi khác. Phật ở cõi pháp giới như thế chẳng phải trụ một chỗ cũng chẳng phải trụ khác chỗ. Lại nếu bụi trần thật có thì thế gian hẳn cũng tự biết cần gì Phật nói. Chỉ vì không biết hình thể chúng nên Phật nói đó.

Ngài Vô Trước nói, Thế Tôn thuyết chẳng phải đó là vì thể nhóm tụ này không thành tựu được. Nếu khác đây Phật tuy không nói ta cũng tự biết sự kết tụ.

3) Không nghĩ phương tiện phá thế giới

“Bạch Thế Tôn, Như Lai nói, ba ngàn đại thiên thế giới là phi thế giới”.

Vốn luận phá thế giới không thật nghĩa phải nên biết. Ngài Vô Trước nói rằng, đây phá thế giới danh thân, thế giới chúng sanh.

4) Hoàn toàn nương cõi trần phá sự kết hợp

“Tại sao? Nếu thế giới thật hữu thời là một hiệp tướng, Như Lai nói một hiệp tướng chẳng phải là một hiệp tướng, ấy là một hiệp tướng”.

Luận rằng, nếu thật có một thế giới thì Như Lai không nói ba ngàn thế giới.

Ngài Đại Vân nói: nếu thật có một thế giới, đương nhiên mỗi mỗi hòa hợp; là không hòa hợp vì có nhiều sai biệt. Nay Phật đã nói 3000 đại thiên thế giới, rõ ràng chẳng

đương nhiên là một, nên dựa theo 3000 thế giới phá một cõi.

Ngài Vô Trước nói: như nói hoặc thế giới hoặc cõi vi trần nên có 2 loại chấp thủ. Đó là thủ chấp một và chấp sai biệt. Ngài Đại Vân nói đây rõ ràng số vi trần và các loài chúng sanh đều gọi là thế giới. Một hiệp tương tức là chấp thủ, chấp là một nên nói hòa hiệp. Trong cái một đây có hai chấp thủ:

- a) chấp thủ một tức thế giới hòa hiệp làm một
- b) chấp thủ sai biệt tức là vi trần có rất nhiều nhỏ cực vi (li ti) gọi là sai biệt.

Chẳng phải một hiệp tương, trong đệ nhất nghĩa cả hai không thật.

5) Phật không do vọng chấp Hữu

“Này Tu Bồ Đề, một hiệp tương ấy là không thể được, chỉ người phàm phu tham chấp việc ấy thôi”.

Luận rằng, do những tụ nhóm không vật gì có thể giữ, hư vọng phân biệt nên nói vọng chấp. Nếu có thật là chánh kiến.

Ngài Vô Trước nói: thế tục đế cho là chấp thủ, đệ nhất nghĩa bất khả thuyết, chỉ trẻ con phàm phu mới chấp như thế.

Ngài Đại Vân nói: chấp kiến 5 uẩn cho là chúng hòa hợp. Đó là việc tham chấp, mê đối với pháp nên khởi phiền não.

2) Dựa theo luận Chỉ Quán phá ngã pháp có 2: trừ ngã chấp,

a) Giải điếm sai lầm

“Này Tu Bồ Đề, như có người cho rằng Phật nói chấp ngã, chấp nhơn, chúng sanh, thọ mạng. Tu Bồ Đề, ý Thầy nghĩ sao? Người kia có hiểu nghĩa Như Lai nói không? Bạch Thế Tôn, người đó không hiểu nghĩa Như Lai nói”.

b) Kẹt vào lời nói

“Tại sao? Thế Tôn nói chấp ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng là phi ngã, nhơn, chúng sanh thọ mạng, ấy là ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến. thọ giả kiến”.

Luận rằng, ngã chấp là hư vọng phân biệt, Phật dạy không nên chấp.

Ngài Vô Trước nói: đây biểu hiện NHƯ không có phân biệt. Tại sao biểu hiện NHƯ? Vì ngoại đạo nói ngã, Như Lai nói là chấp ngã nên lập nhơn vô ngã. Ngoài ra, vì nói có ngã kiến nên lập pháp vô ngã. Quán sát như thế lúc đó Bồ Tát nhập tam muội tương ưng, lại chẳng phân biệt tức quán sát này là nhập vào phương tiện.

Trừ pháp chấp có 2 ý:

a) Trừ phân biệt

“Này Tu Bồ Đề, phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác, đối với tất cả các pháp nên biết như thế, nên tin hiểu như thế, không sanh chấp tướng”.

Ngài Vô Trước nói rằng, đây chỉ bày cho người nào không phân biệt, đối pháp gì không phân biệt, đối phương tiện gì không phân biệt. Đây biểu hiện tâm tăng thượng, trí tăng thượng, đối trong không phân biệt, thấy biết hiểu rõ hơn. Trong đó nếu nương định sa ma tha (thiền quán) có thể biết, nương tỷ bát xá na (vipasana) thiền tuệ minh sát có thể

thấy. Hai loại nương đây Samadhi – thiền quán là hơn hết, vì tam ma đề là tự tại biết rõ phan duyên bên trong là bóng dáng nên gọi là thắng giải (hơn hết). Thế nào là vô phân biệt nên đây chỉ rõ vô phân biệt.

Ngài Đại Vân nói: phương tiện trước là gia hạnh trí, nay không phân biệt là căn bản trí, tức là chứng đạt chân như lìa chấp năng sở nên không phân biệt.

b) Hiện gốc vắng lặng

“Này Tu Bồ Đề, như cho pháp tướng Như Lai nói tức phi pháp tướng, ấy là pháp tướng”.

Ngài Vô Trước nói: đây chỉ rõ pháp tướng có nghĩa bất cộng và tương ưng như trên đã đề cập

Đoạn 26: Hóa thân thuyết pháp nghi không có phước. Do nghe nói chân hóa (thân) chẳng phải một không phải khác. Ý nói rằng, nếu dựa chẳng phải một, hóa chỉ là hư giả; nếu dựa chẳng phải khác lại âm thầm chỉ qui về nhưt. Pháp thân tức hóa thân thật không có tự thể. Nếu thế tức như đã nói thuyết pháp, thọ trì, giảng giải không có phước.

1) Công đức thuyết pháp

“Này Tu Bồ Đề, nếu có người đem bảy thứ báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới để bố thí. Nếu có thiện nam, tín nữ phát tâm Bồ Đề thọ trì Kinh này nhận đến 4 câu kệ v.v... thọ trì, đọc tụng, vì người diễn giảng được phước hơn người bố thí”.

Có kệ rằng: “hóa thân hiện bày phước không phải không là phước vô tận”.

Luận rằng, dù chư Phật tạo tác hóa thân tự nhiên, nhưng các hóa thân chư Phật thuyết pháp có vô lượng công đức vô tận.

2) Thuyết pháp bất nhiễm

“Làm thế nào vì người diễn thuyết không chấp tướng mà như như bất động?”

Ngài Vô Trước nói: vì thuyết pháp không nhiễm nên có nhiều lợi ích như thế ắt quyết phải thuyết pháp. Thuyết pháp như thế là vô nhiễm. Làm sao diễn thuyết vv... chỉ rõ lời nói bất khả thuyết, nếu làm khác đây là thuyết pháp bị nhiễm, là do điên đảo vậy. Ngoài ra lúc thuyết pháp không mong cầu được người tin kính vv... cũng là thuyết pháp bất nhiễm.

Ngài Đại Vân nói: nếu nói pháp với thật tướng pháp tâm không sanh diệt là đúng chân như, nên nói NHƯ NHƯ. Lại tâm NHƯ, cảnh NHƯ nên gọi là NHƯ NHƯ. Bất động thì không nhiễm vậy.

Đoạn 27: Nghi Phật đã tịch làm sao thuyết pháp.

Luận rằng, như chư Phật Như Lai luôn vì chúng sanh mà thuyết pháp, tại sao nói Như Lai nhập Niết Bàn?

“Tại sao? Tất cả các pháp hữu vi như mộng, như huyễn, bọt, bóng, như sương móc, như làn chớp vv... nên quán sát như thế”.

Giải thích đoạn trên có 3 ý:

1) Dựa theo 2 bản giải thích

“Bản đời Ngụy nêu 9 dụ trong Kinh như: Tất cả các pháp hữu vi như sao, mắt mờ, đèn, huyễn, như sương, bọt, giấc mơ, lần chớp, mây, phải quán sát như thế.

Trong đó có 2: dựa theo cách trừ dứt nghi, có kệ rằng: “Chẳng phải hữu vi chẳng lìa, chư Phật nhập Niết Bàn, chín dụ là pháp hữu vi, diệu trí quán sát đúng”.

Luận rằng, chư Phật đạt Niết Bàn hóa thân thuyết pháp nên không phải hữu vi, chẳng lìa hữu vi. Tại sao Phật thị hiện ở thế gian mà không trụ pháp hữu vi? Do diệu trí quán thật pháp hữu vi như 9 thí dụ là hư dối.

Kể cả ngài Vô Trước giải thích tướng: Ngài cho rằng bài kệ trên chỉ rõ 4 tướng hữu vi, đó là:

- 1) Tướng tự tánh: đây là thấy tướng
- 2) Dùng thức làm thể: sanh tử căn bản: sao dụ cho thấy

Ngài Vô Trước nói: không trí che mờ bên trong là có ánh sáng; có trí sáng bên trong là không có ánh sáng. Mắt bị nhắm dụ cho tướng. Luận rằng: như mắt có mây kéo thì thấy sắc nhòe nhoẹt, vv... Quán các pháp hữu vi cũng như vậy, vì cái thấy điên đảo (đảo ngược).

Ngài Vô Trước nói: nhờn, pháp, ngã kiến như mắt kéo mây, do chấp nghĩa KHÔNG. Đèn dụ cho thức: đèn nướng tim, dầu cháy liên tục không tắt, thức tựa tham ái sanh tử không ngừng.

2) Chấp nơi tướng vị (nêm)

Luận rằng, huyễn dụ chỗ nương trụ, vì vô tình thế gian mỗi mỗi sai biệt, không một thể nào thật cả. Ngài Vô Trước nói: vị mắc kẹt nơi cảnh nên điên đảo. Ngài Đại Vân

nói: huyễn ra khỏi thành trì gặt gẫm người ta, thức biển núi sông không thật.

3) Thuận tướng sai lầm. Tự thân và thọ dụng là sai lầm. Quán vô thường này gọi là tùy thuận.

Lại giải rằng, tùy thuận thân thọ dụng tức là sai lầm. Sương móc dụ cho thân; luận rằng, thân cũng như sương mai vậy, tồn tại rất ngắn ngủi. Bọt dụ cho thọ, chỉ sự thọ dụng mau tan biến như bọt nước không khác, vì thọ, tướng, nhân ba pháp bất định vậy.

Ngài Vô Trước nói rằng, hiển lộ tùy thuận là khô, vì thọ như bọt nước.

Kinh Công Đức Thí ghi rằng, quán sát thọ như bọt nước, hoặc mới sanh chưa thành hình, hoặc vừa sanh, hoặc tạm có đó rồi tan biến mất.

4) Tùy thuận lia tướng

Ngài Vô Trước nói rằng, tùy thuận nhơn - pháp vô ngã nên lia khỏi tướng. Đoạn này có 3 ý:

a) mộng dụ quá khứ, quá khứ ấy hành do niệm xứ nên như cơn mộng.

Luận rằng, nên quán sát quá khứ có chỗ tập hợp tạo thành giống như trong giấc mơ, chỉ nghĩ tánh chất ấy.

Kinh Công Đức Thí ghi rằng, quán sát tác giả như trong mộng theo đó hiện cảnh thấy nghe do niệm phân biệt huân tập tồn tại.

Tuy không tác giả, nhưng đủ các cảnh tượng hiện ra trước mắt rõ ràng. Như vậy chúng sanh từ hồi vô thủy tới nay có đủ thứ phiền não thiện, bất thiện các nghiệp huân tập mà

thành. Tuy vô ngã lại hay tạo tác mà hiện có vô ngần những sự sanh tử.

b) Lăn chớp dụ cho hiện tại như trong tích tắc sát na không dừng.

Kinh Công Đức Thí ghi rằng, quán sát tâm giống như lăn chớp vừa sanh liền diệt.

c) Mây dụ cho vị lai như lúc còn là chủng tử thức a lại da cùng với hết thảy các pháp là chủng tử gốc (chính).

Ngài Vô Trước nói, chủng tử thô xấu ấy giống như hư không, lôi dẫn tâm hiện như mây. Ngài nói rằng, như thế nên biết ba đời tu tập thì đạt vô ngã, đây hiển lộ tùy thuận lia tướng.

Ngài Đại Vân nói: quá khứ, vị lai vô hình, hiện tại lại không dừng thì 3 đời KHÔNG, là đạt vô ngã.

B- Dựa các Kinh chỉ những sự giả dối thí dụ đại ý: Phật nói tất cả các pháp KHÔNG nên sanh nghi rằng, thế thì tại sao hiện ta đang thấy các cảnh giới? Vì cảnh ấy như huyền, pháp huyền tuy không nhưng rõ ràng có thấy đó.

Lại nghi rằng, pháp huyền đã không người tại sao ái chấp? Nên nói như hoa đóm; nai khát nước bươn bã đi tìm.

Lại nghi rằng, nai khát nước hoàn toàn không được nước. Người tham làm cách như thế nào để được thọ dụng, nên nói như mộng. Trong mộng những gì trông thấy cũng như được thọ dụng.

Lại nghi rằng, mộng thấy việc thiện ác, thức không có trả nghiệp; mộng thấy được đáng tôn quý, thức không lo sợ. Nói như vang như bóng, tuy hoàn toàn vô thể như gương sáng đối sắc không, hang sâu đối tiếng dội lại. Mặt đẹp

ngược cao cúi thấp nhất nhất đều thích hợp ắt không tạp, hẳn không sai khác.

Lại nghĩ rằng, cái khổ đều không thật, Bồ Tát lấy gì làm sự lợi lạc, nên nói như hóa có nghĩa biến hóa, tuy biết không thật mà do hóa hình.

C- Hợp chung bản dịch đời Tần: mộng, huyền, bọt bóng, lý hoàn toàn không rõ rệt. Suông, lẫn chóp 2 thí dụ sự vô thường cũng đủ hiển tỏ ngộ chân không không chấp các tướng. Quán pháp sanh diệt tức cảnh giác tu hành, là tôn chỉ hiệu quả phá tướng, khéo biểu lộ quán sát quên tình.

Bản dịch đời Ngụy có 9 thí dụ, bản đời Tần lược bỏ, do sao và đèn có thể mây hàm ở đó sanh khởi. Sợ khó ngộ tam KHÔNG vì tiềm ẩn nơi tư tưởng; giữ dịch ý diệu là chỗ này.

III. Phần ba: Lưu thông

“Phật thuyết Kinh xong, trưởng lão Tu Bồ Đề và chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di, tất cả thế gian trời, người, a tu la nghe Phật nói xong đều vô cùng hoan hỷ tin thọ vâng làm”.

Ưu bà tắc Trung Hoa dịch là cận sự nam, tức người nam Phật Tử đã quy y tam bảo và thọ trì 5 giới.

Ưu bà di dịch là cận sự nữ (như trên), thân cận giúp đỡ chư tỳ kheo, tỳ kheo ni.

A tu la Trung Hoa dịch là phi thiên, là không phải trời cũng không phải người.

Giai đại hoan hỷ: thấy đều vô cùng hoan hỷ, thật là hết sức hoan hỷ.

Kinh Vân Thù Sở vấn ghi rằng, có 3 nghĩa của từ “hoan hỷ phụng hành”. Đó là:

- 1) Người thuyết thanh tịnh không vì bám chấp lợi dưỡng thói nhiễm
- 2) Pháp thanh tịnh, vì biết thể của pháp như thật
- 3) Đạt quả thanh tịnh.

Ngài Vô Trước nói, nếu nghe pháp với nghĩa như thế đối với Đại Thừa là không giác. Ta nghĩ quá khứ Phật tu nơi hang đá rất ráo không nhân vậy.

Ngài Thiên Thân nói rằng, chư Phật có pháp tổng trì ⁽⁶⁾ hy hữu không thể xung tán hết nghĩa câu thâm uyên. Nghe từ tôn giả và giảng thuyết rộng, hồi hướng công đức này đến khắp chúng sanh.

Ngài Đại Vân nói: bậc đại Thánh thuyết Kinh lý diệu hoàn tất như thế; hai KHÔNG tròn đủ, bốn chúng vắng hành.

Triệu pháp sư nói: cùng nghe đều ngộ pháp lạc vô biên. Phục Ngoạn, Tôn Thức mãi tôn sùng không mất.

Tư Thánh nói rằng, Kinh Bát Nhã sâu sắc là mẹ ba đời chư Phật. Nghe 4 câu kệ của Kinh để ra khỏi nhân của ác thú. Nhất niệm thọ trì thanh tịnh ắt đạt được thọ ký Bồ Đề nên trời, người khác loại đâu chẳng chí thành phụng hành hay sao?

Hết quyển hạ

Dịch xong ngày 23 tháng 3 năm Kỷ Sửu
(nhằm ngày 17 tháng 4 năm 2009)
tại Tu Viện Đa Bảo – Campbelltown
Sa môn Thích Bảo Lạc

Chú Thích Quyển Hạ

(1) **Các âm:** gồm có 5 là - sắc, thọ, tướng, hành, thức (xem thêm chú thích 14 quyển thượng ở trước).

(2) **Bất nhị pháp môn:** Pháp môn không hai, tức là như như bình đẳng, không có sự khác biệt giữa cái này với cái kia. Bồ Tát ngộ nhập lý bình đẳng là nhập Bất nhị pháp môn. Lý Bất Nhị là quỹ phạm của đạo Phật nên gọi là Pháp; các Thánh do đó mà tiến vào gọi là môn. Pháp môn Bất Nhị trên các pháp môn, có thể trực tiếp thấy được Thánh đạo.

(3) **Căn bản trí:** Cũng gọi vô phân biệt trí, chánh trí, chân trí hay Như lý trí... dùng để đối với Hậu đắc trí. Hiểu rõ chân lý mà không có sự phân biệt năng sở là chân trí. Trí này là căn bản khởi sanh hết thảy công đức đại bi, nên gọi là căn bản trí.

(4) **Hậu đắc trí:** Trí chân chính sâu kín ngậm hạp chân như. Niệm khởi vô phân biệt, nên gọi là vô phân biệt trí hay căn bản trí. Trí sau phân biệt tất cả các tướng sai biệt thì gọi là sai biệt trí hay còn gọi là Hậu đắc trí. Cũng gọi Tục trí, Như lượng trí v.v... Phật Đà khởi tâm đại bi cứu chúng sanh, đó là Hậu đắc trí.

(5) **Nhứt thiết chủng hay nhứt thiết chủng trí:** một trong ba trí. Chỉ khả năng có thể dùng một loại trí mà biết được pháp của hết thảy chư Phật, lại còn có thể biết được nhân chủng của tất cả chúng sanh. Ba Trí được luận Đại Trí Độ ghi rõ như:

i) Nhứt thiết trí: trí của hàng Thanh Văn, Duyên Giác, biết được tướng chung của các pháp, tướng chung đó là tướng.

ii) Đạo chủng trí: tức là trí Bồ Tát, biết tất cả mọi loại đạo pháp khác nhau.

iii) Nhất thiết chủng trí: là Phật trí viên minh, sáng suốt, thông đạt tổng tướng, biệt tướng hết thảy mọi loại pháp hóa đạo, đoạn trừ nghi hoặc.

(6) **Tổng trì**: tiếng Phạn Đà La Ni (Dharani) dịch là Tổng Trì, tức là niệm tuệ lực có khả năng thấu tóm, ghi nhớ vô lượng Phật pháp, không để quên mất. Có 4 loại tổng trì:

1. Pháp Tổng Trì
2. Nghĩa Tổng Trì
3. Chú Tổng Trì
4. Nhân Tổng Trì

Câu thần chú có công năng gìn giữ không cho các thiện pháp bị mất mát và ngăn chặn các ác pháp không cho sanh khởi. Đà La Ni chứa đựng những công thức của tri thức mầu nhiệm, gồm có những âm vận có nội dung tượng trưng. Đà La Ni có thể tiêu biểu cốt yếu của một giáo lý; cũng như đại diện một trạng thái tâm thức để khi hành giả trì niệm có thể đạt được tâm thức đó. Đà La Ni thường dài hơn các thần chú. Đà La Ni đóng một vai trò quan trọng trong Kim Cang thừa và Chân ngôn tông. Đà La Ni là biểu hiện khía cạnh chứng đắc của Phật hay Bồ Tát.

Tác dụng của Đà La Ni hay thần chú được coi như là phương tiện để trừ dứt mọi phiền não chướng, đạt được thiền định. Đà La Ni là tâm ấn của Phật có một thần lực giá trị không thể nghĩ bàn. Sự hành trì và đọc tụng thần chú là một trong 3 yếu tố của tam mật tương ứng: Trì chú - Thân chú - Tổng trì (Thân mật, khẩu mật, ý mật), có nghĩa là nắm

giữ, duy trì và ngăn ngừa. Nắm giữ các thiện pháp không để bị mất mát, duy trì không cho tiêu tán, thất lạc. Ngăn ngừa những ác pháp không cho phát sanh, không cho tạo tác tội ác. Ngăn ngừa không cho tâm ta dong ruổi đến với điều xấu ác và nhờ đó có thêm năng lực làm những điều thiện.

<http://www.quangduc.com/tacgia/thichbaolac.html>